

Tp.HCM ngày ...3... tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam

Mã chứng khoán: CAV

Địa chỉ trụ sở chính: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM

Điện thoại: (028) 38299443

Fax: (028) 38299437

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quang Định

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, TPHCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (028) 38299443

Fax: (028) 38299437

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ X định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

- Công ty CP Dây cáp điện VN công bố điều chỉnh Bản báo cáo thường niên năm 2017 với chi tiết sau:
Điều chỉnh:
+ Hình ảnh của dây
+ Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 3/04/2018 tại đường dẫn: <http://www.cadivi-vn.com/vn/bao-cau-thuong-nien.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



LÊ QUANG ĐỊNH

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM (CADIVI)

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa – Quận 1 – TP.HCM

Điện thoại: Tel: 38.299.443 – 38.292971; Fax: 38.299437

E-mail: cadivi@cadivi.vn; Website: www.cadivi.vn

KSTL-10
BH/SD: 01/00
Trang: 1/1

CADIVI
ĐEM NGUỒN SÁNG ĐẾN MỌI NƠI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017





THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tuấn**

Kính thưa Quý cổ đông, nhà đầu tư và Quý khách hàng,

Năm 2017 đã qua trong điều kiện chính trị thế giới nói chung còn nhiều bất ổn, tuy vậy kinh tế toàn cầu lại ghi nhận sự tăng trưởng khởi sắc so với dự báo của các tổ chức kinh tế. Cùng trong xu thế của thế giới, kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao ở mức 6,81% - cao nhất trong 10 năm trở lại đây.

Đối với CADIVI, 2017 là một năm kinh doanh đối mặt với không ít rào cản khi thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các đối thủ trong ngành luôn đeo bám, giá cả các mặt hàng nguyên vật liệu chính dùng trong sản xuất của CADIVI như đồng, nhôm,... đều biến động trong xu hướng tăng. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn chung của thị trường, bằng định hướng chiến lược đúng đắn cùng nỗ lực của đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, tận tâm Công ty vẫn duy trì sự tăng trưởng

khi hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã đề ra. Những điều đó được thể hiện qua những con số cụ thể sau đây: kết thúc năm 2017, lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty tăng trưởng vượt bậc so với 2016, với mức tăng trưởng lần lượt là 34,71% và 35,91%; Thị phần CADIVI giữ vững 30%. Đầu năm 2017, Công ty đã hoàn thành đợt chào bán ra công chúng tăng vốn điều lệ lên gấp đôi là 576 tỷ đồng, giúp Công ty có thêm nguồn vốn hỗ trợ nhằm thực hiện các kế hoạch đầu tư phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

CADIVI xác định mục tiêu, sứ mệnh của Công ty là mang lại giải pháp truyền tải điện tốt nhất, an toàn nhất, tiết kiệm nhất cho khách hàng với phương châm “Mang nguồn sáng đến mọi nơi”; góp phần xây dựng một xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Nhờ đó, CADIVI trong năm qua đạt được nhiều thành tựu: thương hiệu quốc gia lần thứ 3 liên tiếp có mặt trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam; CADIVI đạt chứng nhận hàng vn chất lượng cao liên tiếp lần thứ 22; Đại diện duy nhất của ngành dây cáp điện nhận cả hai danh hiệu “Sản phẩm - dịch vụ tiêu biểu năm 2017” và “Phát triển bền vững trên 40 năm” do Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ đánh giá.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn Quý khách hàng đã luôn tin tưởng ủng hộ CADIVI trong suốt hơn 40 năm qua, Quý cổ đông và nhà đầu tư đã đặt niềm tin nơi Công ty cũng như toàn thể các cơ quan, bộ ngành các cấp và công ty mẹ Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã tạo điều kiện để CADIVI phát triển. Và cuối cùng không thể không kể đến sự đóng góp của tập thể cán bộ công nhân viên của CADIVI. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng với sự tin nhiệm của khách hàng và cổ đông, CADIVI sẽ duy trì tăng trưởng ổn định và phát triển hơn nữa trong thị trường ngành dây cáp điện.

Trân trọng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

MỤC LỤC

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

6

Phần II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

22

PHẦN III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

40

PHẦN IV: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

49

Phần V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

52

Phần VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

66

SỨ MỆNH

“Cung cấp cho xã hội và cộng đồng những sản phẩm dây cáp điện, thiết bị điện chất lượng cao, an toàn, tiết kiệm điện.”

TẦM NHÌN

“Xây dựng CADIVI đến năm 2020 trở thành một trong những nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á.”

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chất lượng sản phẩm tốt
- Thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Có trách nhiệm xã hội với cộng đồng.
- Đoàn kết, chủ động, sáng tạo.
- Tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần tốt nhất cho người lao động.
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông trên cơ sở phát triển công ty bền vững.

TƯ TƯỞNG CỐT LÕI

- Đoàn kết - Sáng tạo - Phát triển

MỤC TIÊU CỐT LÕI

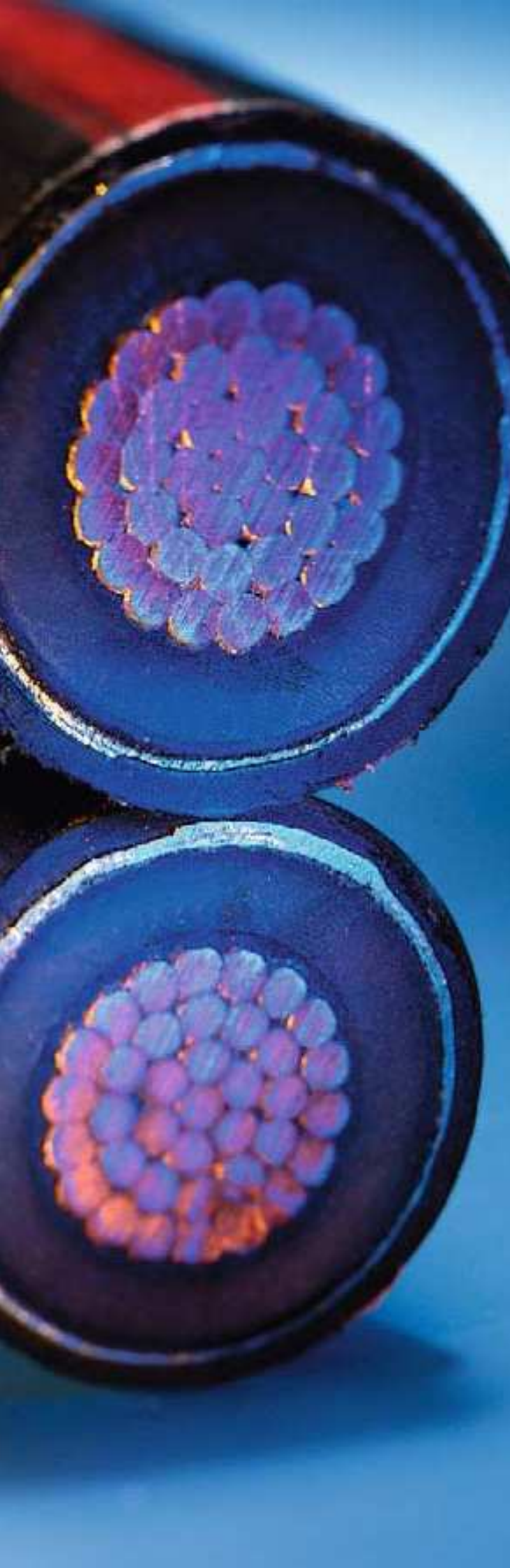
- Không ngừng vươn xa.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.
- Thỏa mãn khách hàng là mục tiêu hàng đầu của Công ty.
- Lợi ích của khách hàng cũng là lợi ích của Công ty.

A close-up photograph of a cable joint. The central focus is a bundle of copper conductors, which are twisted together and surrounded by a green insulating material. The conductors have a reddish-brown patina. To the left, a green insulator is visible, and to the right, a blue insulator is partially seen. The background is a blurred blue.

THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Giấy chứng
nhận đăng ký
doanh nghiệp
số: 0300381564 (số cũ 4103007511)
đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007,
đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày
19/06/2017.

Vốn điều lệ: 576.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư
của chủ sở
hữu: 576.000.000.000 đồng

Địa chỉ: 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (028) 3829 9443

Số fax: (028) 3829 9437

Website: <http://cadivi-vn.com>

Mã cổ phiếu: CAV

1975

Quyết định của Tổng Cục Cơ khí Luyện kim và Điện tử số 220/TCCK ngày 6/10/1975. Thành lập Công ty Dây Đồng Miền Nam trực thuộc Tổng Cục Cơ khí.

1976

Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 237-CP ngày 3/12/1976. Thành lập Công ty Luyện kim Màu trực thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim.

1982

Quyết định của Bộ Cơ khí và Luyện kim số 210/CL-VP ngày 29/9/1982. Thành lập XNLH Cán Kéo Dây Đồng và Nhôm trực thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim.

1989

Quyết định của Bộ Cơ khí và Luyện kim số 207/CL-TC ngày 6/11/1989 đổi tên XNLH Cán Kéo Dây Đồng và Nhôm thành XN liên hợp Dây và Cáp Điện.

1995

Quyết định của Bộ Công nghiệp nặng số 238 QĐ/TCCBĐT ngày 23/3/1995 về việc đổi tên XNLH Dây và Cáp Điện thành Công ty Dây và Cáp Điện Việt Nam.

2004

Quyết định của Bộ Công nghiệp số 173/2004/QĐ-BCN ngày 21/12/2004 về việc chuyển Công ty Dây và Cáp Điện Việt Nam thành Công ty TNHH Nhà nước MTV Dây và Cáp Điện Việt Nam.

Quá trình hình thành và phát triển

2007

Quyết định của Bộ Công nghiệp số 2226/QĐ-BCN ngày 28/6/2007 phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Dây và Cáp Điện Việt Nam thành Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam.

2014

Ngày 8/12/2014, Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đã chính thức niêm yết 28.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CAV.

9/2007

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận trở thành Công ty đại chúng.

2015

CADIVI được xếp hạng VNR500 - 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015.

2009

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam hoàn tất thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 192.000.000.000 (Một trăm chín mươi hai tỷ) đồng.

2016

Chấm dứt hoạt động các chi nhánh CTCP Dây cáp điện Việt Nam: Chi nhánh Miền Bắc, Chi nhánh Miền Trung, Xí nghiệp Long Biên;
Thành lập CTCP CADIVI Miền Bắc;
Chuyển đổi CTCP CADIVI Miền Bắc thành Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc;
Đổi tên Xí nghiệp Thành Mỹ thành Nhà máy CADIVI Miền Đông;
Đổi tên Xí nghiệp Tân Á thành Nhà Máy CADIVI Sài Gòn.

2012

Phê duyệt tăng vốn điều lệ từ 192.000.000.000 đồng lên 249.599.952.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2012.

2017

Tăng vốn Điều lệ lên 576 tỷ đồng (Năm trăm bảy mươi sáu tỷ) đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19/06/2017.

2013

Công ty tăng vốn điều lệ lên 288.000.000.000 (Hai trăm tám mươi tám tỷ) đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/06/2014.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là chuyên sản xuất các loại dây và cáp điện phục vụ rộng rãi cho các ngành kinh tế quốc dân cũng như các nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt thường ngày và cho xuất khẩu. Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty Điện lực; các nhà thầu xây lắp điện dân dụng, công nghiệp; các nhà sản xuất, các nhà đầu tư có sử dụng máy, thiết bị công nghiệp; các cộng đồng dân cư và các hộ gia đình. Trong những năm qua, sản phẩm dây và cáp điện mang nhãn hiệu CADIVI luôn được khách hàng đánh giá cao.

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài khắp cả nước từ Bắc đến Nam với hơn 200 đại lý cấp 1 và sản phẩm của CADIVI đã có mặt ở hơn 30 quốc gia trên thế giới.



DÂY ĐIỆN
DÂN DỤNG



DÂY TRẦN



CÁP RỄ QUẠT



CÁP XUẤT KHẨU



CÁP ĐIỆN LỰC HẠ THỂ



CÁP CHỐNG CHÁY



CÁP ĐIỆN LỰC TRUNG THỂ



CÁP ĐIỀU KHIỂN



CÁP ĐIỆN KẾ



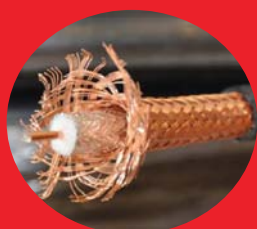
CÁP VẶN XOẮN HẠ THỂ



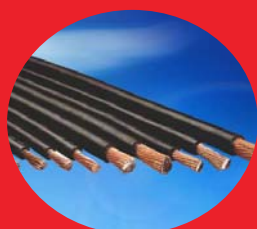
CÁP VẶN XOẮN TRUNG THỂ



CÁP MULTIPLEX



DÂY CÁP ĐỒNG TRỤC



CÁP HÀN



CÁP TRUYỀN SỐ LIỆU



DÂY ĐIỆN DÙNG TRONG XE Ô TÔ VÀ XR GẮN MÁY



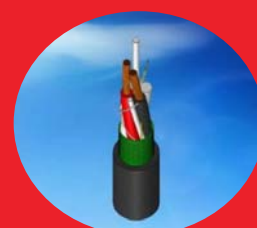
DÂY TRẮNG MEN



DÂY ĐỒNG CHỮ NHẬT BỌC GIẤY CÁCH ĐIỆN



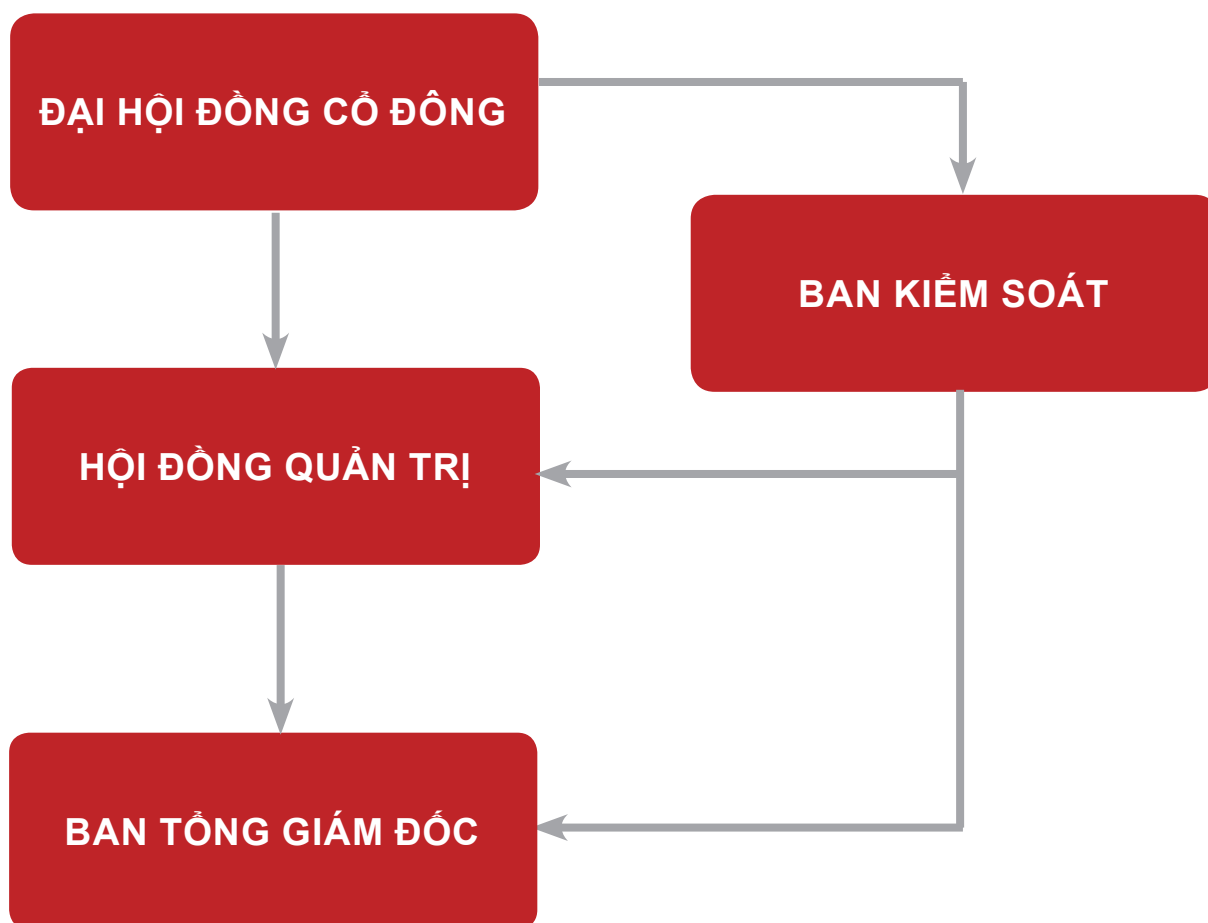
KHÍ CỤ ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN



CÁP HYBRID

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



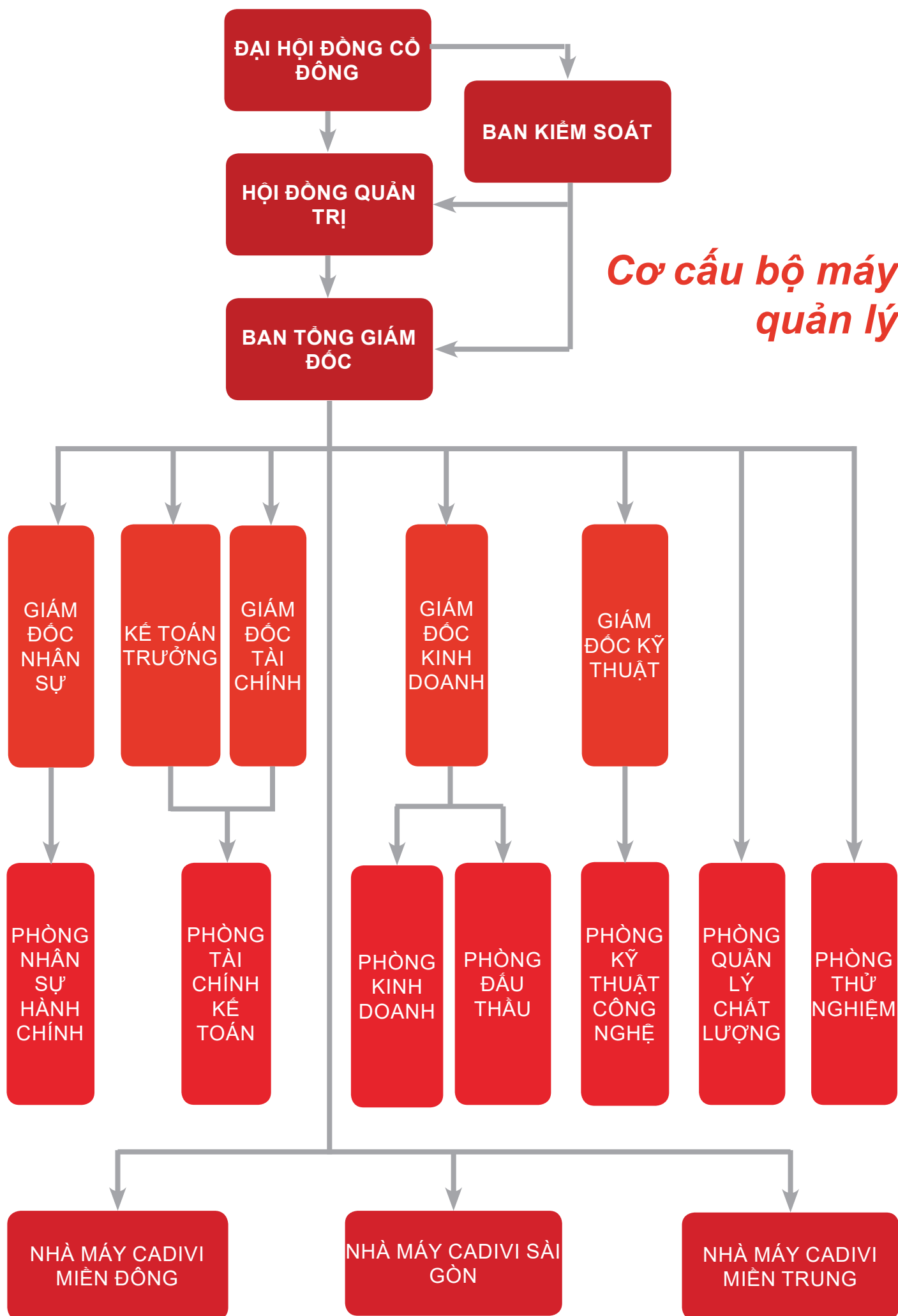
Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

Ban Tổng Giám đốc: bao gồm 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.



Các chi nhánh, công ty con

1.Tên Công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Email:

Vốn điều lệ:

Vốn CAV góp:

Tỷ lệ sở hữu của CAV:

Ngành nghề kinh doanh chính:

CÔNG TY TNHH MTV CADIVI ĐỒNG NAI

Đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Đồng Nai

0613.514.128

0613.514.120

www.cadivi.vn

cadivi@cadivi.vn

300.000.000.000

100%

100%

sản xuất dây cáp điện, thiết bị điện

2.Tên Công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Website:

Email:

Vốn điều lệ:

Vốn CAV góp:

Tỷ lệ sở hữu của CAV:

Ngành nghề kinh doanh chính:

CÔNG TY TNHH MTV CADIVI MIỀN BẮC

Lô D1-3, KCN Đại Đồng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

0222.2220.456

0222.2220.456

www.cadivi.vn

cadivi@cadivi.vn

100.000.000.000

100%

100%

sản xuất dây cáp điện, thiết bị điện



Các nhà máy

NHÀ MÁY CADIVI MIỀN ĐÔNG



Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1 - Đồng Nai

Điện thoại: (0613) 836165 - 836187

Fax: (84-613) 836444

NHÀ MÁY CADIVI SÀI GÒN



Địa chỉ: Lô C2-4, đường N7, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP HCM.

Điện thoại: (08) 66.833.602

Fax: (08) 37.968.268

NHÀ MÁY CADIVI MIỀN TRUNG



Địa chỉ: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Q. Cẩm Lệ – TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3662339

Fax: (0236) 3662379

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- CADIVI hoạt động với các phương châm kinh doanh luôn hướng đến tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông, đảm bảo lợi ích của cán bộ công nhân viên Công ty. Hơn thế nữa, CADIVI luôn muốn thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và xã hội, không chỉ về phương diện vật chất mà còn về các giá trị phi vật chất.
- Hiểu được tầm quan trọng của yếu tố con người, CADIVI chú trọng công tác đào tạo về quản trị và các kiến thức chuyên môn để nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao nhằm phục vụ tốt công tác quản lý, vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thiết yếu mà CADIVI đặt ra qua các thời kì. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục phát huy các phong trào về sáng kiến sáng chế, cải tiến khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thực tiễn sản xuất.
- CADIVI đã và đang thực hiện các chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp và tích cực thực hiện các công tác về an sinh xã hội.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

CADIVI mong muốn duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần hàng năm, nhưng vẫn giữ được sự cân đối hài hòa giữa hai yếu tố. Công ty lấy sản xuất, kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện làm trọng tâm, đồng thời tranh thủ khai thác tốt các cơ hội kinh doanh giúp đem lại lợi nhuận cao, tạo tiền đề hỗ trợ cho công tác tái sản xuất.

Với định hướng “Giữ vững sân nhà để vươn ra sân người”, tức là chiếm lĩnh thị trường trong nước để tạo đà cho CADIVI vươn xa hơn nữa đến những thị trường quốc tế tiềm năng. Công ty từng bước đầu tư phát triển, phấn đấu đến năm 2020 trở thành một trong các tập đoàn dây cáp điện hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Ngoài ra, CADIVI còn xây dựng Quỹ xã hội từ thiện để ủng hộ thiên tai, người nghèo, xây nhà tình nghĩa cũng như tham gia thực hiện các công tác bảo vệ môi trường, xã hội, cộng đồng...

Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với khách hàng:

Với triết lý kinh doanh “Chất lượng sản phẩm tốt là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty”, mục tiêu hàng đầu của CADIVI là thỏa mãn khách hàng, lợi ích của khách hàng cũng chính là lợi ích Công ty.

Đối với cổ đông:

Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả với mục đích nhằm tối ưu hóa lợi nhuận của cổ đông.

Đối với người lao động:

Con người chính là yếu tố cốt lõi làm nên một doanh nghiệp vững mạnh, CADIVI đặt lợi ích của cán bộ công nhân viên Công ty lên hàng đầu. Không chỉ chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần, CADIVI còn tạo ra nhiều cơ hội đào tạo các kỹ năng chuyên môn, phát triển nghề nghiệp tạo điều kiện cho người lao động có thể vươn xa hơn trong công việc.

Đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt hơn để phát triển bền vững.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Diễn biến tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2017 khá biến động. Tăng trưởng kinh tế của quý I/2017 gặp một số khó khăn, tốc độ tăng GDP chỉ đạt 5,15% thấp so với cùng kỳ do ảnh hưởng của khô hạn, xâm nhập mặn năm 2016 đến kết quả trồng trọt quý I/2017 và sự giảm sâu của ngành công nghiệp khai khoáng do Chính phủ giảm hướng tăng trưởng dựa vào tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, từ quý II tăng trưởng GDP đã có sự khởi sắc và kết thúc quý tăng trưởng đạt 6,28%. Tính chung cả năm, tăng trưởng GDP ước tính tăng 6,81% so với năm 2016. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 14,40% (là mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây), đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng chung với 2,33%. Kinh tế qua các năm đều tăng trưởng khả quan tạo tiền đề cho tăng trưởng của các ngành trong tương lai.

RỦI RO LẠM PHÁT

Lạm phát trong những năm qua đều được Chính phủ kiểm soát và duy trì tốt ở dưới những mức mục tiêu đã được đề ra đầu năm. Lạm phát bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu 4% do Quốc hội đề ra. Nguyên nhân lạm phát tăng do giá bán nhóm ngành y tế và giáo dục tăng, cùng với đó là sự tăng lên của lương tối thiểu vùng khiến giá bán các dịch vụ dân dụng như điện nước tăng theo. Mức lạm phát được giữ ổn định và dưới mức mục tiêu những năm qua không chỉ tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn tạo tâm lý tốt cho người tiêu dùng từ đó thúc đẩy hoạt động tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp.

RỦI RO LÃI SUẤT

Tổng kết hoạt động ngân hàng năm 2017, có sự chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng huy động vốn nhưng thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn ở mức ổn định và đạt mức 16,96%. Ngày 7/7/2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành các văn bản điều chỉnh giảm lãi suất có hiệu lực từ ngày 10/7/2017. Theo đó lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-



9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh được ưu tiên, các dự án lớn trọng tâm, trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Mặc dù mặt bằng lãi suất tương đối ổn định nhưng CADIVI vẫn luôn đặt các tiêu chí về quản lý tài chính an toàn và đúng nguyên tắc là một trong những vấn đề trọng tâm kinh doanh. Qua đó, Công ty luôn tìm kiếm các nguồn vốn vay phù hợp, giúp tránh được các tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

RỦI RO LUẬT PHÁP

CADIVI là công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK TP.HCM nên hoạt động của Công ty chịu tác động lớn từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật



Chứng Khoán về hoạt động công bố thông tin. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó..

Bên cạnh đó do đặc thù sản phẩm là dây cáp điện, Công ty còn bị ràng buộc bởi pháp luật trong ngành liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật như Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (luật 68/2006/QH11); Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (luật 05/2007/QH12); Các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện 02 luật trên (nghị định 132/2008/NĐ-CP, thông tư 21/2007/TT-BKHCN); Quyết định 50/2006/QĐ-TTg về Danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng (trong đó có

sản phẩm Dây cáp điện thuộc nhóm hàng do bộ Khoa học Công nghệ quản lý); Thông tư 21/2009/TT-BKHCN ban hành và thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử (quy định sản phẩm Dây cáp điện có điện áp dưới và bằng 450/750 V phải gắn dấu Hợp Quy khi lưu thông trên thị trường),... Thực tế, trình độ sản xuất của CADIVI luôn ở mức đạt và vượt chuẩn quy định nên rủi ro về thay đổi những tiêu chuẩn kỹ thuật ít ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

Vào cuối năm 2016, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 21/2016/TT-BKHCN Ban hành sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn thiết bị điện và điện tử. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/02/2017 và kể từ ngày 01/08/2018, các sản phẩm dây và cáp điện sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường phải áp dụng các quy định của Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN. Điểm chính của thay đổi này là siết chặt việc công bố chất lượng sản phẩm dây và cáp điện thông qua điều chỉnh phạm vi sản phẩm áp dụng. Dây cáp điện có điện áp từ 50 V đến 1000 V phải công bố tiêu chuẩn áp dụng, chứng nhận hợp quy. Ngoài ra thông tư cũng quy định cụ thể về những thay đổi trong ghi nhãn sản phẩm. Tuy thực tế hầu hết các sản phẩm của CADIVI đều công bố đầy đủ về chỉ tiêu chất lượng nhưng những thay đổi này có thể làm tăng chi phí cho Công ty.

Bên cạnh đó, CADIVI đang xâm nhập vào thị trường miền Trung và miền Bắc nên sẽ phải có nhiều thay đổi về mẫu mã, bao bì đóng gói,... Đồng thời, CADIVI cũng sẽ mở rộng xâm nhập vào các nước phát triển như Mỹ, Nhật, Úc,... Hoạt động xuất khẩu của Công ty khi vào các thị trường này sẽ vấp phải các rào cản thuế quan và phi thuế quan. Rào cản phi thuế quan khó khăn nhất là rào cản kỹ thuật (TBT). Sản phẩm CADIVI ngoài việc phải có chất lượng và giá cả ưu việt hơn đối thủ cạnh tranh tại các nước sở tại còn phải đáp ứng các chứng nhận như chứng nhận UL (thị trường Mỹ), chứng nhận SAA (thị trường Úc), chứng nhận JIS, PSE (thị trường Nhật)...

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Thị trường trong nước:

Những năm qua thị trường điện trong nước luôn tạo động lực cho ngành điện phát triển. Tăng trưởng sản lượng tiêu thụ điện trong 4 năm trở lại đây luôn trên 10%/năm đã kéo theo nhu cầu truyền tải tăng và đầu tư cho hạ tầng ngành điện cũng phát triển theo

Khối lượng lưới điện truyền tải dự kiến xây dựng theo từng giai đoạn:

Hạng mục	Đơn vị	2011 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030
ĐZ 500Kv	Km	3.833	4.539	2.234	2.724
ĐZ 220kV	Km	10.637	5.305	5.552	5.020

Khối lượng lưới điện truyền tải dự kiến xây dựng theo từng giai đoạn:

Hạng mục	Đơn vị	2011 - 2020		2021 - 2030	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nguồn điện	Tỷ đồng	619.300	74,64%	935.300	65,44%
Lưới điện	Tỷ đồng	210.400	25,36%	494.000	34,56%
Tổng cộng	Tỷ đồng	829.700	100,00%	1.429.300	100,00%

Từ những số liệu trên có thể thấy thị trường trong nước còn nhiều tiềm năng để phát triển trong khi hiện tại CADIVI đang chiếm tỷ trọng đến khoảng 30% thị phần trên thị trường dây cáp điện Việt Nam, thì đây sẽ yếu tố giúp Công ty hưởng lợi lớn. Bên cạnh đó, việc thị trường bất động sản dần phục hồi những năm gần đây cũng tạo cơ hội cho các sản phẩm dây điện dân dụng của CADIVI gia tăng sản lượng tiêu thụ.

Thị trường xuất khẩu:

Tổng kết năm 2017, sản lượng xuất khẩu mặt hàng dây điện và dây cáp điện của Việt Nam tăng trưởng rất tốt, giá trị xuất khẩu đạt hơn 1,4 tỷ USD tăng 31,3% so với năm 2016, tập trung ở một số nước như:

1. Trung Quốc: 506 triệu USD
2. Nhật Bản: 308 triệu USD
3. Hàn Quốc: 123 triệu USD
4. Mỹ: 79 triệu USD

Thực trạng hơn 90% thị phần xuất khẩu dây cáp điện do các doanh nghiệp nước ngoài nắm giữ. Các doanh nghiệp này sản xuất tại Việt Nam nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu và nhân công giá rẻ. Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI xuất khẩu chính vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật. Có thể thấy CADIVI là một trong số ít doanh nghiệp có thể xuất khẩu vào hai thị trường đòi hỏi chất lượng và chuẩn mực kỹ thuật cao này. Đối với sản phẩm của từng thị trường đều phải qua hệ thống quản lý chất lượng riêng biệt để tiến hành kiểm tra, khi đạt chuẩn, phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập khẩu thì mới được bán ra thị trường. Tuy nhiên, nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn kỹ thuật của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty. Bên cạnh tiêu chí chất lượng sản phẩm thì hoạt động xuất khẩu của Công ty còn chịu tác động lớn từ các chính sách thuế suất xuất nhập khẩu tại các nước sở tại.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH - RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Nguyên vật liệu đầu vào chiếm hơn 90% giá trị chi phí sản xuất của CADIVI với ba nguyên liệu chính chiếm tỷ trọng lớn là đồng (hơn 70%), nhôm(7%) và nhựa (7%).

Trong năm 2017, giá đồng, nhôm và nhựa đều trong xu hướng tăng. Giá nhôm và đồng tăng do kết quả từ chính sách cắt giảm công suất dư thừa cho hoạt động sản xuất kim loại cơ bản trong kế hoạch 05 năm của Trung Quốc. Giá hạt nhựa thế giới tăng theo diễn biến tăng của giá dầu thế giới. Trước những biến động này, CADIVI có chính sách linh hoạt, đánh giá những biến động và có giải pháp điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, với lợi thế là Doanh nghiệp đầu ngành, CADIVI còn thiết lập được một mạng lưới nhà cung cấp rộng lớn trên cả thị trường trong và ngoài nước, từ đó đảm bảo được tính ổn định của nguồn cung và giá cả.

RỦI RO QUẢN TRỊ

Tổng kết năm 2017, bộ máy quản trị của Công ty có khá nhiều sự thay đổi về nhân sự trong thành viên HĐQT. Việc thay đổi nhân sự cấp cao có thể dẫn đến những rủi ro về mặt quản trị. Tuy nhiên với sự chỉ đạo nhanh nhạy, linh hoạt và giám sát thường xuyên, liên tục của HĐQT đã giúp ban Tổng Giám đốc và cấp quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng “Chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2012 – 2017, tầm nhìn đến năm 2020”. Hoạt động quản trị rủi ro của Công ty trong năm qua cũng được thực hiện tốt giúp Công ty phòng ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất những biến động tiêu cực từ đó góp phần giúp CADIVI đạt được kết quả kinh doanh tốt năm 2017.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hầu hết nguyên liệu sản xuất của Công ty đều tác động tiêu cực đến môi trường, bên cạnh đó là những rủi ro nảy sinh trong quá trình sản xuất các sản phẩm dây cáp điện như: không đảm bảo điều kiện làm việc và lao động, sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng.... Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro môi trường, CADIVI luôn chú trọng công tác dự báo, giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương xung quanh các nhà máy của CADIVI đang hoạt động.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến tài sản, hoạt động SXKD của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết thúc năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh của CADIVI như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2016	2017	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	5.629.034	6.825.488	21,26%
2	Giá vốn hàng bán	5.069.318	6.138.931	21,10%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	6.290	13.147	109,01%
4	Chi phí tài chính	51.535	59.474	15,41%
5	Chi phí bán hàng	80.832	98.339	21,66%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	113.153	134.599	18,95%
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	320.485	407.292	27,09%
8	Lợi nhuận khác	-16.074	2.769	-117,23%
9	Lợi nhuận trước thuế	304.411	410.061	34,71%
10	Lợi nhuận sau thuế	239.372	326.059	36,21%
11	EPS	7.231	5.431	-24,89%

Tổng kết năm 2017, các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty đều đạt được kết quả tốt. Cụ thể, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 6.825 tỷ đồng và 326 tỷ đồng tương ứng tăng 21,21% và 36,21% so với cùng kỳ năm 2016.

Một số biến động đáng lưu ý trong các chỉ tiêu kết quả kinh doanh của Công ty:

- Khoản mục Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty ghi nhận giá trị hơn 13 tỷ đồng tăng hơn gấp đôi so với khoản 6,3 tỷ đồng năm 2016. Nguyên nhân do trong năm Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính, các khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn đều tăng mạnh. Danh mục đầu tư tài chính của CADIVI trong năm 2017 là trái phiếu CTCP Chứng khoán IB và trái phiếu CTCP Du lịch Lâm Đồng.
- Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu suy giảm dù LNST tăng hơn 35%, do khoản vốn chủ sở hữu vừa bổ sung chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận tương xứng.
- Lợi nhuận khác đạt hơn 2,7 tỷ đồng so với khoản lỗ hơn 16 tỷ đồng năm 2017, nguyên nhân do Công ty hạch toán lại chi phí truy thu đất KCN Biên Hòa từ năm 2006 đến 2015, cùng với đó là thu nhập từ thanh lý tài sản và khoản lãi vay được hỗ trợ bởi UBND Tp.HCM. Hoạt động thanh lý tài sản của Công ty đi cùng với đầu tư mua mới máy móc thiết bị sản xuất là khoản đầu tư gởi đầu tạo tiền đề cho tăng trưởng doanh thu những năm tiếp theo.

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện/ Kế hoạch
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.200	6.825	110%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	410	410	100%

Dù đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt, với sự nỗ lực của ban lãnh đạo trong việc kiên định mục tiêu kế hoạch đề ra, sự cố gắng không ngừng của đội ngũ CBCNV CADIVI, doanh thu thuần đạt 6.825 tỷ đồng, vượt 10% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Lợi nhuận trước thuế đạt 410 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
Lê Quang Định	Tổng giám đốc	115.180	0,199%
Trịnh Quốc Toàn	Phó Tổng giám đốc	30	0,000%
Dương Liễu Mai Khanh	Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng	-	-



Ông Lê Quang Định – Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1964

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1987 - 2007	Công ty CADIVI - Phòng kỹ thuật cơ điện	Phó phòng
2007 - 2008	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Long Biên	Phó Giám đốc
2008 - 2012	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Long Biên	Giám đốc
2012 - 2015	Công ty CADIVI	Phó Tổng Giám đốc
2015 - 2016	Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Tổng Giám đốc kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty CADIVI
2016 - nay	Công ty CADIVI	Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc CADIVI Đồng Nai

Ông Trịnh Quốc Toàn – Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 - 1994	Công ty CADIVI - Xí nghiệp cơ điện	Kỹ sư
1994 - 1996	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Thành Mỹ	Kỹ sư
1996 - 1998	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Thành Mỹ	Quyền Trưởng phòng - TP KCS
1998 - 2011	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Thành Mỹ	Trưởng phòng Kỹ thuật chất lượng
2011 - 2014	Công ty CADIVI	Giám đốc Kỹ thuật kiêm Trưởng phòng KTCD
2014 - 2015	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Long Biên	Phó Giám đốc phụ trách
2015 - nay	Công ty CADIVI	Phó Tổng Giám đốc





Bà Dương Liễu Mai Khanh – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Sinh năm: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán kiểm toán

Quá trình công tác

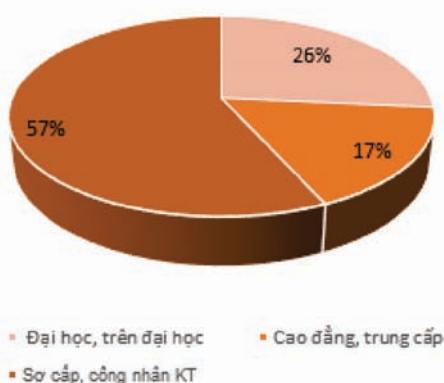
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2001	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Khí cụ điện 2 - Phòng Kế toán tài chính	Nhân viên
2001 - 2003	Công ty CADIVI - Xí nghiệp Thành Mỹ - Phòng Kế toán tài chính	Phó phòng phụ trách phòng KTTC
2003 - 2009	Công ty CADIVI - Phòng Kế toán tài chính	Phó phòng
2009 - 2016	Công ty CADIVI - Phòng Kế toán tài chính	Giám đốc tài chính
2016 - nay	Công ty CADIVI - Phòng Kế toán tài chính	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Số lượng cán bộ, nhân viên

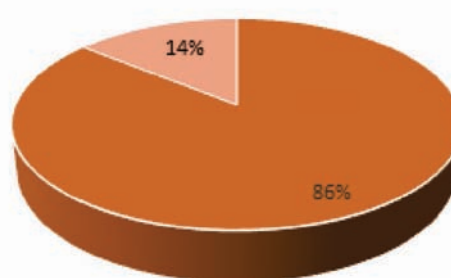
Tính đến 31/12/2017, tổng số lao động của Công ty là 763 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	763	100%
1	Đại học và trên Đại học	202	26%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	127	17%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	388	51%
4	Lao động phổ thông	46	6%
II	Theo hợp đồng lao động	763	100%
1	Lao động toàn thời gian	763	100%
2	Lao động bán thời gian	0	
III	Theo giới tính	763	100%
1	Nam	655	86%
2	Nữ	108	14%

Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo giới tính



Các chính sách đối với người lao động:

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO:

Để đảm bảo cho sự phát triển của Công ty, hằng năm CAV luôn đưa ra những chính sách đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực, đồng thời xây dựng và thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đào tạo cho CBNV.

Hoạt động đào tạo của Công ty gồm có:

01

- Luôn mở ra các lớp huấn luyện định kỳ về phòng chống chữa cháy, an toàn lao động, các buổi tập huấn về sơ cứu, cấp cứu, cách thoát nạn khi gặp nguy hiểm,...
- Cho các CBNV tham gia các buổi đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty như giao tiếp khách hàng, kỹ năng bán hàng, kiểm tra chất lượng, quản lý hàng hóa,.... Đồng thời, đào tạo các kỹ năng về quản trị thiết yếu cho cán bộ quản lý cấp trung.
- Đối với những cán bộ công nhân mới vào thì Công ty cho tham gia các buổi tập huấn, giới thiệu về Công ty và các sản phẩm của Công ty, nhằm giúp các nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập vào môi trường làm việc mới, biết thêm các nội quy lao động, an toàn lao động và các nhiệm vụ theo vị trí của từng người, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001. Đảm bảo cho CBNV có một môi trường làm việc hiệu quả nhất.
- Thường xuyên nhắc lại và đào tạo thêm các công nghệ mới cho công nhân cũ để ngày càng nâng cao tay nghề cho các công nhân.



CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, THƯỜNG:

02

- Công ty luôn đảm bảo về các chính sách lương thưởng cho CBCNV. Việc chi trả lương được thực hiện theo quy định của quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ Công ty, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, đảm bảo về năng lực công việc cũng như mức độ đóng góp của từng người. Công ty xây dựng các chính sách phúc lợi phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp và quy định của pháp luật, đồng thời tạo được sự động viên và khuyến khích cho CBCNV làm việc hăng say hơn, tạo được hiệu quả hoạt động kinh doanh cho Công ty.
- Công ty thực hiện việc trả lương CBCNV theo đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm mà Công ty cho tiêu thụ trong tháng, quý, năm trên vị trí công việc và năng lực làm việc hiệu quả của từng nhân viên trong Công ty.

CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH KHÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

03

- Công ty thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, đảm bảo đúng quy định tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên theo quy định, nhằm hỗ trợ phần nào chi phí cho người lao động khi có xảy ra rủi ro trong quá trình làm việc.
 - Hằng năm Công ty cho các CBCNV tham gia khám sức khỏe định kỳ để luôn đảm bảo sức khỏe cho nhân viên, đồng thời hỗ trợ chăm sóc cũng như điều trị kịp thời nếu phát hiện có bệnh.
 - Công ty thường xuyên tổ chức các buổi nghỉ mát và tạo điều kiện cho CBCNV và gia đình đi nghỉ dưỡng để tạo động lực làm việc và tăng tinh thần làm việc cho nhân viên.
 - Hằng năm, Công ty còn tổ chức các hoạt động thể thao, các buổi ngoại khóa để nhân viên rèn luyện thêm sức khỏe và tinh thần đoàn kết, tập thể.
 - Công ty luôn quan tâm đến điều kiện và môi trường làm việc cho nhân viên, luôn trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất và phương tiện làm việc, cung cấp đầy đủ các đồng phục, các thiết bị bảo hộ lao động,... đồng thời bồi dưỡng thêm về vật chất cho người lao động trong môi trường làm việc nặng nhọc hay độc hại.
 - Trong Công ty luôn có một Hội đồng bảo hộ lao động nhằm chú trọng các công tác an toàn, và đảm bảo an ninh cho Công ty.
- Công ty có chế độ hỗ trợ cho CBCNV bị bệnh phải điều trị dài hạn, CBCNV nghỉ hưu (nguồn tiền trích từ quỹ tiền lương được tập thể người lao động trong Công ty nhất trí hỗ trợ), hỗ trợ tiền tuất cho CBCNV bị chết, hỗ trợ cho hưu trí Công ty (trích từ quỹ phúc lợi).

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn trong năm

- Dự án Nhà máy sản xuất dây cáp điện – Giai đoạn 2, Đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và bổ sung thiết bị sản xuất dây cáp điện (Tân Phú Trung, Củ chi) đã hoàn thành, đang kiểm toán dự án và dự kiến tháng 4 kiểm toán xong

Các khoản mục đầu tư cụ thể: Nhà xưởng; Khu phụ trợ; Nhà văn phòng; Nhà xe; Nhà bảo vệ; 02 trạm điện 2500kva và hạ tầng giao thông, sân bãi...

Máy móc thiết bị bổ sung sản xuất dây cáp điện: 01 máy 61 sợi; 01 máy 1+1+3/1250; 01 máy bọc 75; Di dời thiết bị chuyển giao và bổ sung thiết bị phụ trợ...

- Dự án đầu tư Lò nấu đồng UPCAST (đến tháng 5/2018 hoàn thành)

Các khoản mục đầu tư cụ thể: Đầu tư Lò nấu đồng UPCAST và xây dựng, cung cấp thiết bị phụ trợ.

- Dự án Dây chuyền Nấu đúc cán nhôm liên tục - Cơ sở 2 - Nhà máy CADIVI Miền Đông (đến tháng 6 /2018 hoàn thành)

Các khoản mục đầu tư cụ thể: Đầu tư Lò nấu đúc cán Nhôm liên tục, xây dựng nhà xưởng và cung cấp thiết bị phụ trợ.

- Giai đoạn 2: Nhà xưởng mở rộng tại Nhà máy CADIVI Sài Gòn (đã hoàn thành 2017)

Các khoản mục đầu tư cụ thể: Đầu tư xây dựng nhà xưởng mở rộng của Nhà xưởng – Giai đoạn 2.

- Xây dựng nhà kho chứa vật tư, mái che cáp, san lấp mặt bằng tại Nhà máy CADIVI Miền Trung (đã hoàn thành 2017)

Các khoản mục đầu tư cụ thể: Xây dựng nhà kho chứa vật tư, mái che cáp, san lấp mặt bằng.



Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

ĐVT: Triệu đồng

Tên dự án - Chủ đầu tư - Địa điểm	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% đã thực hiện	Chuyển tiếp qua năm 2018
Nhà máy sản xuất dây cáp điện - GD 2, Đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và bổ sung thiết bị sản xuất dây cáp điện - Nhà máy CADIVI Sài Gòn	92.950 (chi phí kế hoạch)	13.923,83 (chi phí giải ngân)	Đã hoàn thành dự án đưa vào sử dụng từ T7/2017 14,98% (chi phí giải ngân)	79.026,17 (chi phí còn lại)
Nhà xưởng mở rộng - Nhà máy sản xuất dây cáp điện - Nhà máy CADIVI Sài Gòn	24.586,00	21.342,30	Đã hoàn thành dự án đưa vào sử dụng từ T7/2017	
Xây dựng nhà kho chứa vật tư, mái che cáp, san lấp mặt bằng tại Nhà máy CADIVI Miền Trung	9.147,41	4.882,00	53,37%	4.265,41
Dây chuyền nấu đúc cán Nhôm liên tục sản lượng 20.000 tấn/ năm tại Cơ sở 2- Nhà máy CADIVI Miền Đông	56.955,09	41.569,17	72,99%	15.385,92
Xây dựng nhà xưởng để đặt Dây chuyền sản xuất Đồng rod sản lượng 20.000 tấn/năm tại Cơ sở 2 - Nhà máy CADIVI Miền Đông	8.884,78	6.784,34	76,36%	2.100,43
Xây dựng nhà kho chứa cáp trung, hạ thế tại Nhà máy CADIVI Sài Gòn	23.823,11	-	0,00%	23.823,11
Tổng	216.346,39	88.501,64	40,91%	124.601,05



Các công ty con, công ty liên kết:

CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	Tăng/giảm 2017 so với 2016
Tổng tài sản	Đồng	390.904.702.225	561.515.267.361	43,65%
Tổng doanh thu	Đồng	1.546.893.457.595	1.855.838.176.946	19,97%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	71.033.741.325	102.833.919.059	44,77%

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	Tăng/giảm 2017 so với 2016
Tổng tài sản	Đồng	137.688.562.648	281.369.019.096	104,35%
Tổng doanh thu	Đồng	195.285.985.048	329.285.497.206	68,62%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	606.808.002	5.078.687.640	736,95%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.233.681	2.963.074	32,65%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.629.034	6.825.488	21,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	320.485	407.292	27,09%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-16.074	2.769	-117,23%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	304.411	410.061	34,71%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	239.372	326.059	36,21%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,10	1,23
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,61	0,74
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	65,80%	56,78%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	192,39%	131,43%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,68	8,31
Vòng quay tài sản	Vòng	2,66	2,63
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,25%	4,78%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	34,49%	32,15%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	11,32%	12,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,69%	5,97%

VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty có sự chuyển biến tích cực so với năm trước chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng mạnh đến gần 30% so với năm 2016 mặc dù nợ ngắn hạn và hàng tồn kho cũng có sự gia tăng. Cụ thể, việc CAV thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị lớn trong năm qua chính là nguyên nhân làm gia tăng đáng kể tài sản ngắn hạn của Công ty.

VỀ CƠ CẤU VỐN

Năm 2017 cơ cấu vốn của Công ty chuyển dịch theo hướng khả quan làm giảm rủi ro tài chính trong quá trình hoạt động. Nợ phải trả trong năm có sự gia tăng 16,92% duy trì ở mức 1.683 tỷ đồng do sự tăng lên của khoản dự phòng bảo hành sản phẩm và các khoản vay ngân hàng dùng bổ sung vốn lưu động, đầu tư dự án, mua tài sản. Trong khi đó tổng tài sản cũng đã tăng ấn tượng đến 35,44% so với năm 2016 đạt mức 2.963 tỷ đồng. Năm qua, với việc tăng thêm giá trị của Quỹ đầu tư phát triển và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã làm vốn chủ sở hữu Công ty tăng mạnh đến 71,07% đạt mức 1.280 tỷ đồng.

VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ so với năm trước cho thấy tốc độ quay vòng hàng tồn kho của Công ty nhanh hơn, công tác quản trị chỉ tiêu này đã được thực hiện tốt trong năm qua. Giá vốn hàng bán trong kỳ tăng 21,10% đạt mức 6.825 tỷ đồng trong đó chủ yếu là sự tăng lên của giá vốn thành phẩm, hàng hóa được sản xuất. Bên cạnh đó, sự thay đổi của thành phẩm và nguyên vật liệu theo hướng giá tăng cũng đã làm hàng tồn kho năm qua tăng đáng kể ở mức 15,14% đạt 760 tỷ đồng.

Vòng quay tổng tài sản có sự sụt giảm do mức tăng của doanh thu thuần trong kỳ thấp hơn giá trị tăng lên của tổng tài sản. Điều này cho thấy hiệu quả của việc sử dụng tài sản để mang lại doanh thu của Công ty suy giảm so với năm trước, tuy nhiên mức này được đánh giá là không đáng kể.

VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đa số các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty đều có sự tăng trưởng, do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong kỳ có sự gia tăng tương ứng đến 35,91% và 27,09% so với năm 2016 lần lượt đạt mức 325,3 tỷ đồng và 407,3 tỷ đồng. Chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) giảm nhẹ so với năm trước do vốn chủ sở hữu trong kỳ tăng với giá trị lớn hơn mức tăng thêm của lợi nhuận sau thuế. Như vậy có thể kết luận, năm 2017 khả năng sinh lời của CAV vẫn được giữ vững và có sự tăng trưởng đáng kể.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Số lượng cổ phần: 57.600.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

Số cổ phiếu ưu đãi: không có.

Số cổ phiếu phổ thông: 57.600.000 cổ phần.

Số cổ phiếu đang lưu hành: 57.600.000 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông

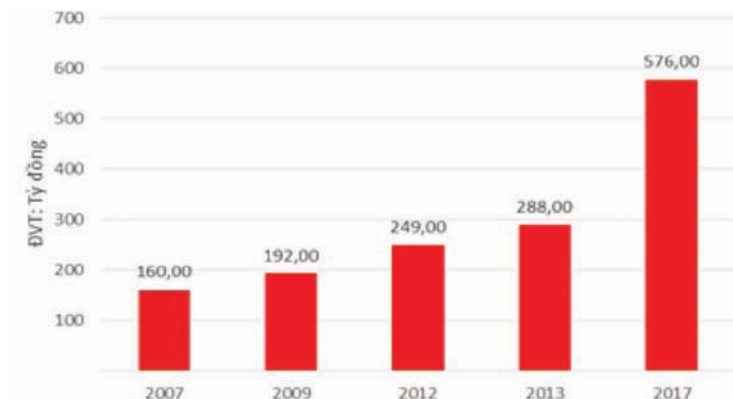
STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn	45,943,648	79,763
	Trong nước	45,943,648	
	Nước ngoài	0	
2	Công đoàn Công ty	76,812	0,133
3	Cổ đông khác	11,579,540	20,133
	Trong nước	10,945,166	
	Nước ngoài	634,374	
TỔNG CỘNG		57.600.000	
Trong đó: - Trong nước		56,965,626	
- Nước ngoài		634,374	

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	45.943.648	79,76%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức là CTCP đến nay, Công ty đã trải qua quá trình tăng vốn như sau:

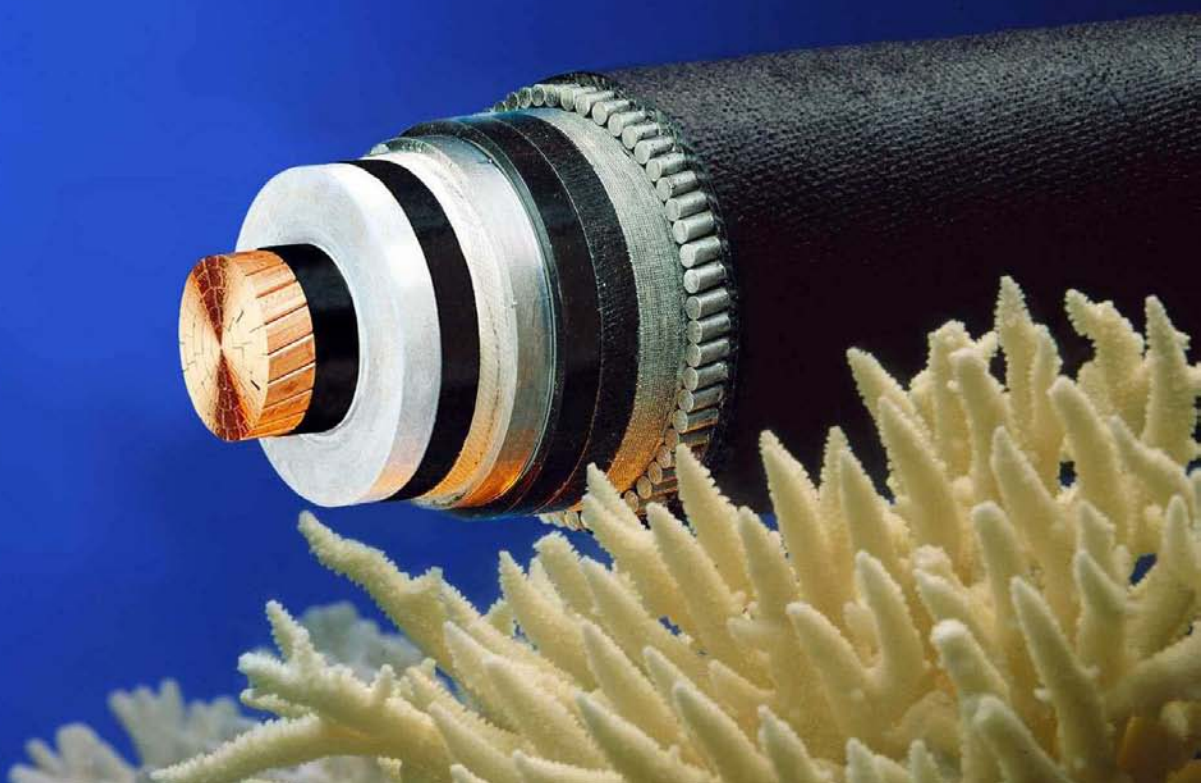


Tháng 11/2016, Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam được UBCK NN cấp phép thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng và hoàn thành vào tháng 2/2017, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 288 tỷ đồng lên 576 tỷ đồng.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2017
1	Loại năng lượng (đơn vị đo)	Điện năng (kWh)
	Tổng năng lượng tiêu thụ (kJun)	15.885.680 kWh ~ 57.188.448.000 kJ



Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

STT	Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	Địa điểm hoạt động	Năng lượng tiết kiệm
1	Sử dụng SCR + điều khiển PID để điều khiển nhiệt độ.	Các nhà máy	Ước tính giảm 20% năng lượng so với phương án cũ.
2	Sử dụng biến tần cho các bơm nước giải nhiệt để điều tiết lưu lượng nước phù hợp	Các nhà máy	Ước tính giảm gần 30% điện sử dụng cho bơm với phương án cũ.

Tiêu thụ nước

Tổng lượng nước sử dụng là 75.592.000 lít



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hàng năm, CADIVI đều thực hiện các công tác về kiểm định môi trường tại tất cả các nhà máy theo Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13, Nghị định số 45/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 19/2011/TT-BYT của Bộ Y tế. Các hạng mục và chỉ số được đo đạc cụ thể là: vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo Thường qui kỹ thuật của Viện Y học Lao động và vệ sinh môi trường – Bộ Y tế.

Tất cả các chỉ tiêu đề ra về bụi toàn phần, bụi hô hấp và hơi khí độc, các nhà máy của CADIVI đều hoàn toàn đáp ứng được theo tiêu chuẩn, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho các cán bộ, công nhân viên tham gia quá trình sản xuất.

Bên cạnh đó, CADIVI còn định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, vật tư, hóa chất, nhà xưởng, kho bãi để đảm bảo an toàn lao động.

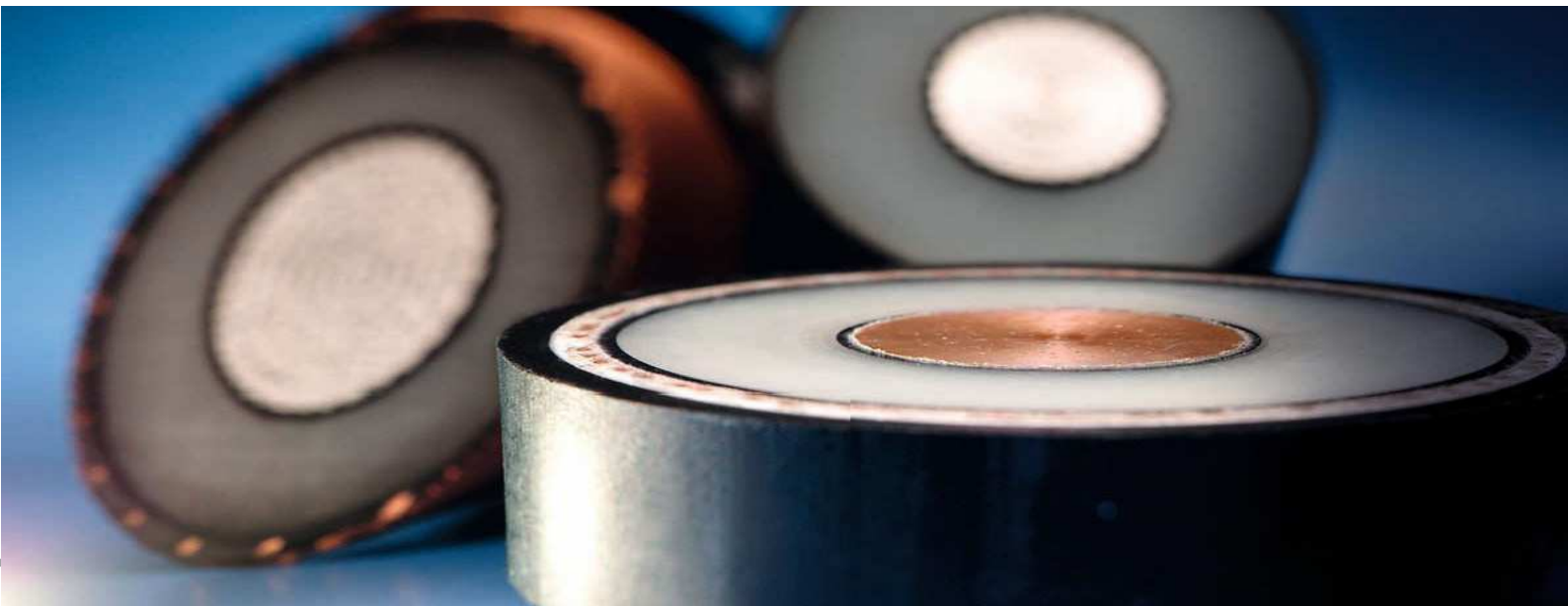
Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương và giờ đào tạo trung bình

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Mức lương trung bình (ĐVT: Triệu đồng/người)	Số giờ đào tạo trung bình (ĐVT: Giờ/ Người)
1	Theo giới tính:			
	Nam	655	7,6	22
	Nữ	108	9,0	22
2	Theo hợp đồng lao động:			
	Toàn thời gian	763	7,8	22
	Bán thời gian	0		
3	Theo trình độ:			
	Trên Đại học, Đại học	202	13,6	25
	Cao đẳng, TCCN	128	7,1	21
	Sơ cấp, CNKT	433	4,9	21

Tiếp tục định hướng năm 2016, trong năm 2017 CADIVI tiến hành tinh gọn, sắp xếp và tổ chức lại lao động. Công ty đã giảm từ 763 lao động thời điểm đầu năm 2017 còn 763 lao động thời điểm cuối năm.

Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới. Tuy có sự cắt giảm về số lượng nhưng Công ty cũng tăng đầu tư về chất lượng nguồn nhân lực. Cụ thể, số giờ đào tạo trung bình tăng ở tất cả các trình độ lao động, thu nhập bình quân của người lao động tăng trung bình khoảng 21% so với năm 2016. Bên cạnh việc nâng cao năng lực nhân viên, đảm bảo điều kiện an toàn lao động cũng là tiêu chí quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực. CADIVI cũng thường xuyên tổ chức đo đạc môi trường lao động tại các nhà máy hàng năm, phát hiện những nơi có yếu tố nóng, độc hại, nguy hiểm để kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục, cũng như kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở để có các biện pháp chấn chỉnh kịp thời.



Các công tác cụ thể đã thực hiện liên quan đến giáo dục trong năm

Nội dung công việc đã thực hiện	ĐVT	Số lượng	Xí nghiệp thực hiện	Chi phí (đồng)
Huấn luyện KTAT định kỳ.	Người	598	03 Đơn vị	61.150.000
Huấn luyện cho Cán bộ Q lý từ trưởng phó phòng, ngành, Chuyên viên trở lên	Người	108	04 Đơn vị	23.400.000
Huấn luyện về các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt.	Người	245	03 Đơn vị	40.000.000
Huấn luyện VSV.	Người	48	03 Đơn vị	21.435.000
Hưởng ứng tuần lễ Quốc gia ATLĐ-VSLĐ-PCCN lần 17	Tuần	01	04 Đơn vị	35.400.000
Mua tài liệu tranh ảnh.	cái		04 Đơn vị	9.840.000
Huấn luyện PCCC.	Người	598	03 Đơn vị	61.150.000
Tổng cộng				191.225.000

- Trong năm 2017:

CADIVI tiếp tục triển khai chính sách lương, thưởng cho người lao động theo hệ thống thang, bảng lương mới, tăng tỷ trọng tiền lương kết quả công việc trong cơ cấu tiền lương trả hàng tháng. Đi đôi với việc đó là xây dựng KPI cho từng cá nhân để nâng cao chất lượng đánh giá đánh giá kết quả công việc của cán bộ công nhân viên. Bên cạnh chính sách lương thưởng phù hợp Công ty còn có các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc vào vị trí công tác, năng lực làm việc và đóng góp vào kết quả kinh doanh.

Với mong muốn tiếp tục phát huy năng lực làm việc và khuyến khích tinh thần sáng tạo trong sản xuất, Công ty tiến hành tổ chức các phong trào thi đua và thực hành tiết kiệm trong sản xuất... Ngoài các chính sách giúp ổn định thu nhập sinh hoạt, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Cụ thể, Công ty phối hợp với các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng “Đoàn kết, sáng tạo và phát triển”, đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty nhận thức việc đóng góp vào xã hội và cộng đồng là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động từ thiện: thành lập Quỹ trợ cấp xã hội từ thiện, nguồn thu từ đóng góp mỗi năm bằng một ngày rưỡi lương trên mỗi lao động theo thỏa ước lao động tập thể Công ty cho các hoạt động xã hội từ thiện như cứu trợ bão lụt miền Trung, Chi tiền ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” của Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, TPHCM, ... Ngoài ra Công ty còn tài trợ các hoạt động và nhiều chương trình xã hội có ý nghĩa khác.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Môi trường kinh doanh năm 2017



Thuận lợi

- Thương hiệu CADIVI có mặt trên thị trường và xây dựng vị thế thương hiệu đầu ngành dây cáp điện từ hơn 40 năm qua. Với lợi thế thương hiệu, sản phẩm chất lượng cao và hệ thống đại lý cấp 1 hơn 200 cửa hàng rộng khắp cả nước. CADIVI dễ dàng trở thành một trong những lựa chọn hàng đầu của các công trình dự án điện lực.
- Bên cạnh sản phẩm luôn được đánh giá cao thì một trong những niềm tự hào của CADIVI là đội ngũ cán bộ có kỹ năng chuyên môn trình độ cao và kinh nghiệm thực tiễn, nhạy bén tiếp thu những thành tựu KHKT tiên tiến. Hiện nay, CADIVI có trên 50% nhân viên của Công ty là các công nhân kỹ thuật, phần còn lại, bên cạnh các nhà quản lý trung và cao cấp là các cán bộ, nhân viên thuộc các phòng chức năng giàu kinh nghiệm. Chính đội ngũ lao động này đã đóng góp vào tăng trưởng của Công ty trong những năm.
- Sản phẩm của Công ty không chỉ được tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Nhật... Hiện tại hoạt động xuất khẩu này đang được duy trì tương đối ổn định, giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng phát triển.

Khó khăn

- Hội nhập sâu rộng vừa tạo điều kiện để thương hiệu CADIVI được biết đến trên thế giới nhưng cũng đặt Công ty đứng trước áp lực cạnh tranh lớn. Hội nhập nghĩa là diễn biến kinh tế Việt Nam sẽ ngày càng nhạy cảm đối với biến động tình hình chung của toàn cầu. Một trong các tác động lớn nhất đó là tình hình chung của thị trường trong và ngoài nước đã làm giá cả vật tư, nguyên liệu chủ yếu cho sản xuất biến động liên tục, tăng giảm thất thường.
- Theo kế hoạch, Nhà Máy CADIVI Miền Đông ở trong tình trạng chuẩn bị di dời theo chủ trương chuyển đổi công năng KCN 1 của tỉnh Đồng Nai (Giai đoạn 1: 2016 - 2020), gây khó khăn trong công tác đầu tư phát triển sản xuất tại các cơ sở của Nhà máy này.

Trước bối cảnh những khó khăn, thuận lợi đan xen đó, các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch 2017 và kết quả SXKD trong năm 2017 như sau:

Tình hình thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017		2017/ 2016	TH2017/ KH2017
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu thuần	Triệu đồng	5.629.034	6.200.000	6.825.488	121,26%	110,09%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	304.411	410.000	410.061	134,71%	100,01%

Kết quả kinh doanh năm 2017 cho thấy doanh thu thuần của CADIVI đạt 6.825 tỷ đồng, tương đương 110,09% kế hoạch và có sự gia tăng đáng kể so với năm 2016. Tuy vẫn phải chịu nhiều khó khăn với áp lực cạnh tranh khá gay gắt nhưng sự cải tiến không ngừng đã giúp CAV có được một năm hoạt động thuận lợi lợi nhuận trước thuế tăng mạnh so với năm 2016 và hoàn thành chỉ tiêu hoạt động được Đại hội đồng cổ đông giao phó qua đó đảm bảo được các nghĩa vụ đối với Nhà nước và duy trì được việc làm ổn định đối với người lao động.

• VỀ LỢI NHUẬN

Các chỉ tiêu lợi nhuận 2017 của CADIVI đều tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 27,09%, Lợi nhuận trước thuế tăng 34,71%, Lợi nhuận sau thuế tăng 35,91%. Lợi nhuận CADIVI tăng do Công ty gia tăng sản lượng sản xuất do đầu tư nhà máy mới và lực cầu thị trường khả quan trong năm 2017. Ngoài ra, Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng tốt hơn so với cùng kỳ do trong năm Công ty hạch toán lại chi phí thuê đất trong KCN Biên Hòa 2006-2015 của Tổng Công ty Sonadezi theo đơn giá mới.



Các mặt hoạt động trong năm 2017 và những tiến bộ đạt được:

- **Công tác thị trường, xây dựng thương hiệu và bán hàng**

- Với mục tiêu “Giữ vững, xâm lấn, mở rộng thị trường” trên cơ sở “Giữ vững thị trường nền”, Công ty đã đẩy mạnh vào các dự án ngành điện, xây lắp công nghiệp, xây dựng, quốc phòng, dầu khí, xuất khẩu...
- Công ty luôn thực hiện các chính sách bán hàng hài hòa theo hướng “Thỏa mãn tối đa yêu cầu khách hàng” và luôn đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu về lợi nhuận của Công ty. Đồng thời, hoạt động chăm sóc khách hàng luôn được Công ty chú trọng và thực hiện một cách nghiêm túc.

- **Công tác tổ chức sản xuất**

- Phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và các nhà máy sản xuất nhằm đảm bảo thực hiện tốt các đơn đặt hàng, và giao hàng kịp thời gian cho khách hàng.
- Công ty luôn thực hiện đồng bộ giữa nhu cầu của khách hàng đối với nguồn cung ứng vật tư và bố trí máy móc thiết bị nhằm cung cấp đầy đủ sản phẩm cho khách hàng, đồng thời giảm được chi phí, tăng hiệu quả sản xuất cho Công ty.

- **Công tác Kỹ thuật và Công nghệ**

- Công ty luôn cập nhập và ban hành các quy định mới trong công tác quản lý kỹ thuật công nghệ, đưa ra các tiêu chuẩn nhằm nâng cấp chất lượng sản phẩm, tăng hoạt động hiệu quả cho Công ty.
- Các bộ phận trong Công ty đã thực hiện tốt các công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao công nghệ, luôn tuân thủ các quy định về công nghệ của Công ty, tăng năng suất hoạt động cho sản xuất bằng cách huy động tăng thêm giờ hoạt động của các máy sản xuất.

- **Công tác Quản lý chất lượng**

- Công ty luôn cho kiểm soát vật tư đầu vào tuân thủ theo các thủ tục của hệ thống QLCL ISO 9001:2008 đã ban hành.
- Công ty áp dụng phần mềm BFO trong việc quản lý chất lượng vật tư đầu vào.
- Ngoài các nguyên vật liệu chính của Công ty như đồng, nhôm, nhựa XLPE, PVC tương đối ổn định thì trong quá trình nhập nguyên liệu Công ty đã phát hiện ra có số lượng vật tư chưa phù hợp trong quá trình sản xuất. Do đó P.SX, P.QLCL, P.KTCĐ, các đơn vị đã phối hợp làm việc với nhà cung cấp để xử lý.
- Công ty đã cho lấy mẫu kiểm tra, thử nghiệm điển hình định kỳ các sản phẩm tại các đơn vị, thực hiện KPI trong chương trình BSC. Ngoài ra cho biên soạn, ban hành và triển khai 38 Hướng dẫn kiểm soát chất lượng cho các gói thầu và các sản phẩm mới.
- Áp dụng các chứng nhận sản phẩm: Chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; Chứng nhận CE; Chứng nhận PSE; Chứng nhận SAA.

- **Công tác tài chính kế toán**

- Công tác kế toán**

- Công ty đã cho kiểm soát chi phí, doanh thu để báo cáo Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh hàng tháng.
 - Luôn thực hiện giám sát kỹ các công tác bán hàng, chiết khấu, công tác thu hồi công nợ để đảm bảo rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp.

- Công tác tài chính**

- Trong năm, Công ty vẫn luôn tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về quản lý và sử dụng các đồng ngoại tệ, khi vẫn đảm bảo được lượng ngoại tệ cung cấp cho các hoạt động với chi phí hợp lý cho khách hàng.
 - Trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu KPI

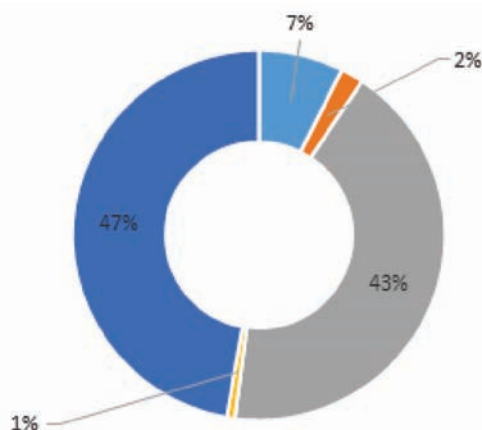
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

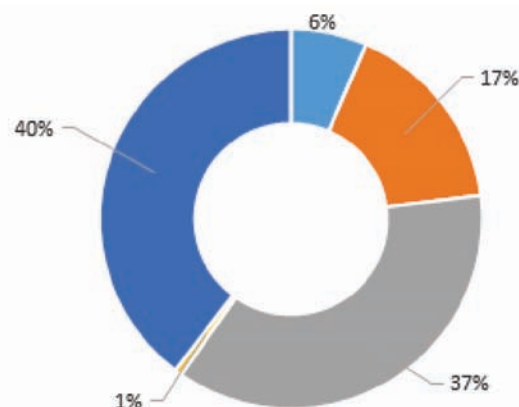
Chỉ tiêu	2016 (Tr.đồng)	2017 (Tr.đồng)	% Tăng/Giảm	Tỷ trọng 2016	Tỷ trọng 2017
Tài sản ngắn hạn	1.522.540	1.913.883	25,70%	68,16%	64,59%
Tài sản dài hạn	711.141	1.049.191	47,54%	31,84%	35,41%
Tổng tài sản	2.233.681	2.963.074	32,65%	100,00%	100,00%

Năm 2017, tổng tài sản của CADIVI tăng mạnh đến 32,65% so với năm trước đạt mức 2.963 tỷ đồng, trong đó có sự đóng góp ở cả tài sản ngắn hạn lẫn tài sản dài hạn. Ngoài việc thực hiện đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị lớn trong năm như đã phân tích, sự gia tăng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và hàng tồn kho cũng là nguyên nhân khiến tài sản ngắn hạn có sự gia tăng. Đối với tài sản dài hạn thì sự tăng lên của các khoản đầu tư tài chính dài hạn mà trong đó chủ yếu là góp vốn liên doanh, liên kết vào Công ty CP Nhựa Hà Nội hơn 155 tỷ đồng chính là nguyên nhân chính làm khoản mục này có sự tăng lên trong năm.

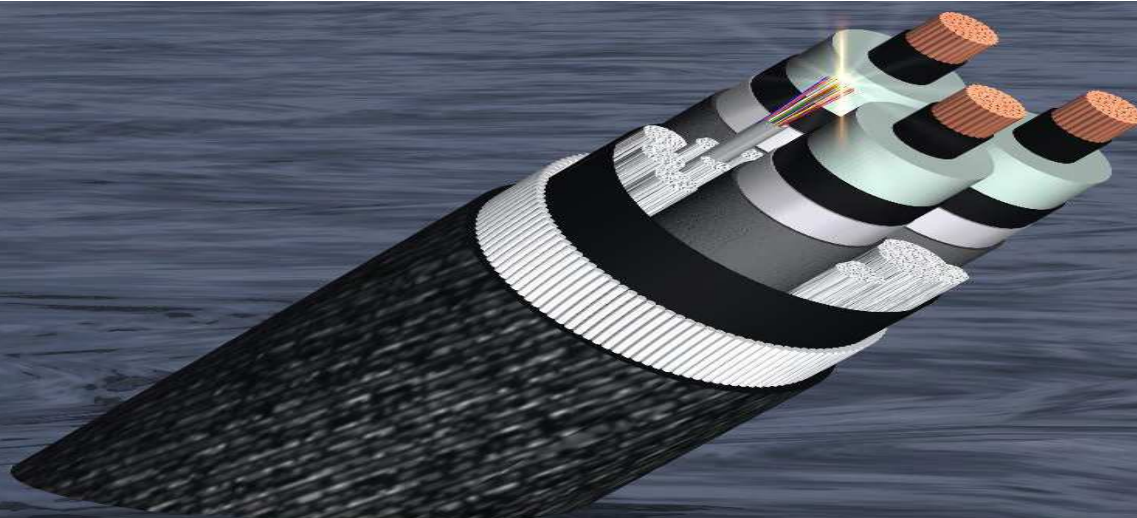
• Cơ cấu tài sản ngắn hạn



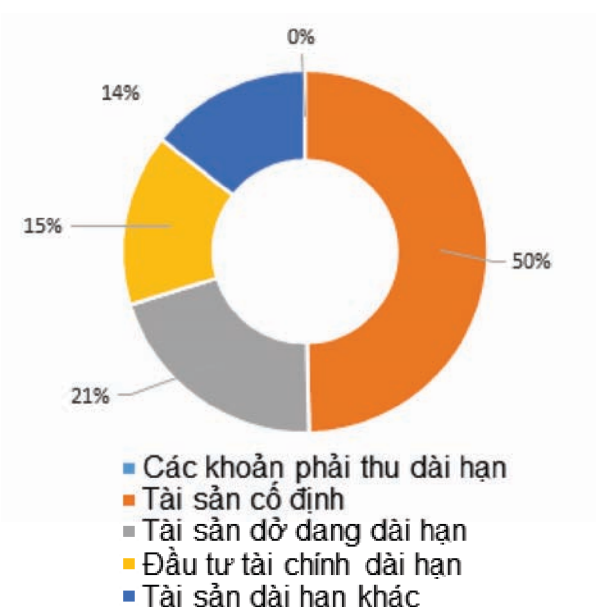
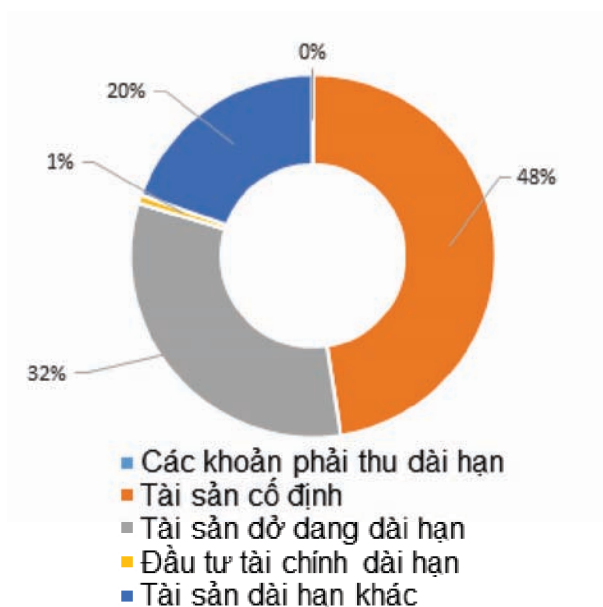
- Tiền và tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Phải thu ngắn hạn
- Tài sản ngắn hạn khác
- Tồn kho



- Tiền và tương đương tiền
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Phải thu ngắn hạn
- Tài sản ngắn hạn khác
- Tồn kho



• **Cơ cấu tài sản dài hạn**



Tình hình nợ phải trả

Tiêu chí	2016 (Tr.đồng)	2017 (Tr.đồng)	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	1.371.757	1.550.717	13,05%
Nợ dài hạn	113.707	131.624	15,76%
Tổng nợ	1.485.464	1.682.341	13,25%
Vốn chủ sở hữu	748.217	1.280.733	71,17%
Tổng nguồn vốn	2.233.681	2.963.074	32,65%

Tính đến 31/12/2017, giá trị nợ phải trả của CADIVI đạt 1.682 tỷ đồng, chiếm 56,80% cơ cấu nguồn vốn của Công ty. So với năm trước, khoản này đã tăng đến 13,25% đây chủ yếu là các khoản vay ngân hàng trong năm bổ sung vốn lưu động, đầu tư dự án, mua tài sản. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu đã có sự chuyển biến tích cực khi đã tăng mạnh đến 71,17% so với năm 2016, trong đó nổi bật là sự tăng lên của giá trị Quỹ đầu tư phát triển cùng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do kết quả kinh doanh trong kỳ có sự tăng trưởng đáng kể.



Đánh giá khả năng thanh khoản

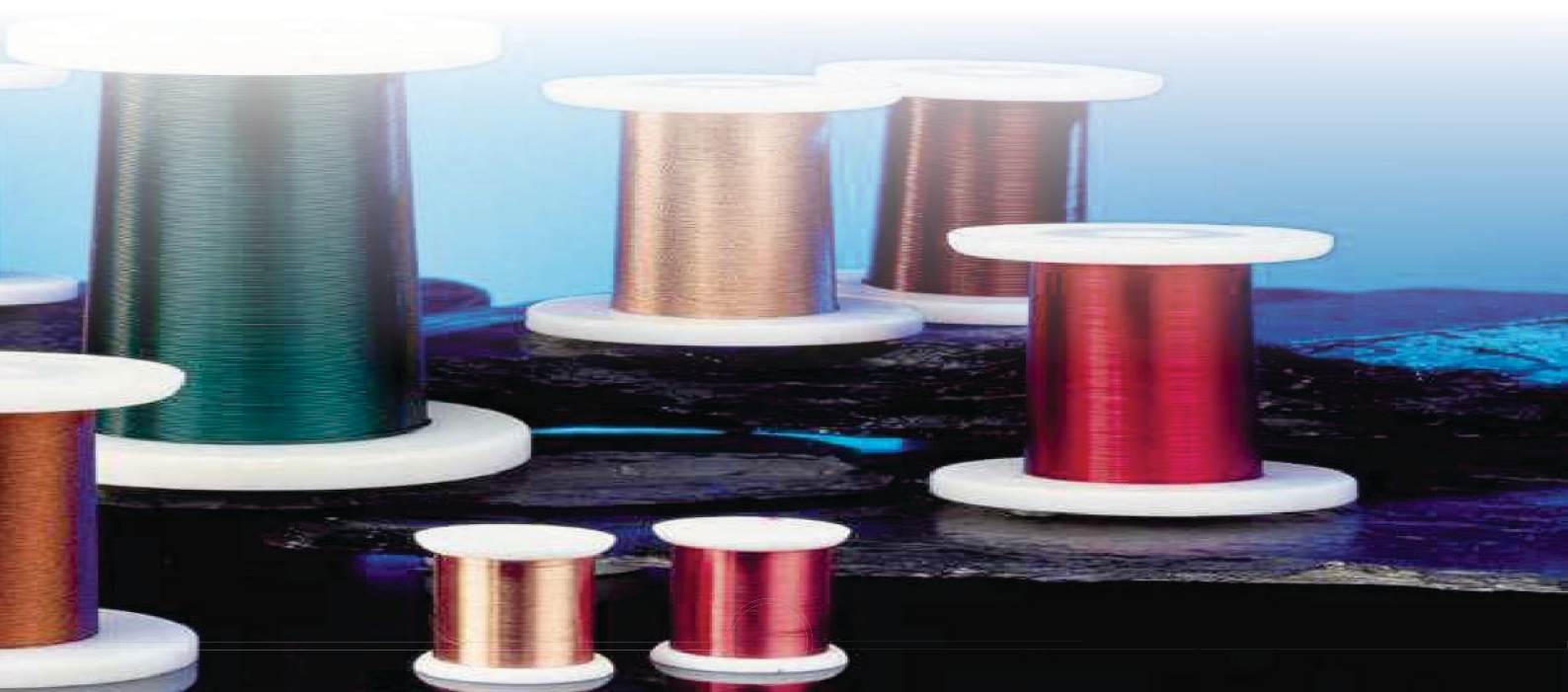
Khoản mục	< 1 năm	Từ 01-05 năm	> 05 năm	Cộng
Vay và nợ	530.867	20.000	76.755	627.622
Phải trả người bán	352.990	-	-	352.990
Phải trả người lao động	48.164	-	-	48.164
Chi phí phải trả	22.813	-	-	22.813
Các khoản phải trả khác	320.301	3.750	-	324.051
Cộng	1.275.136	23.750	76.755	1.375.641

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017
Vay ngắn hạn	Triệu đồng	530.867	652.448
Vay dài hạn	Triệu đồng	96.755	104.710
Chi phí lãi vay	Triệu đồng	23.478	32.334
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	0,42%	0,47%

Năm 2017, lãi vay Công ty phải trả là 32,3 tỷ đồng, tăng tương đối so với khoản này đã trả cho năm trước do nợ vay trong kỳ có sự gia tăng. Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần vẫn được duy trì ở mức thấp đạt 0,47% cho thấy công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	So sánh với năm 2017
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	6.825	8.209	120,28%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	410	455	110,98%
3	Cổ tức	%	35%	35%	100%

Các giải pháp chung

Để đạt được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2018, tập thể CADIVI phải toàn tâm toàn lực thực hiện quyết liệt một số biện pháp cụ thể như sau:

Công tác thị trường và bán hàng

- Giữ vững thị trường nền trong nước thông qua kênh đại lý, điều chỉnh quy chế bán hàng, giá bán phù hợp; Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường thông qua việc tổ chức hoạt động marketing để nghiên cứu thị trường, khách hàng
- Phát triển khách hàng mới, tập trung phát triển thị trường mới Australia, đồng thời tiếp tục chú trọng vào việc nhận đơn hàng đối với thị trường Mỹ, Myanmar, Campuchia. Tiếp tục phát triển mở rộng tìm kiếm thêm các khách hàng khác trong nước và ngoài nước;

Công tác tổ chức sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng, Sản phẩm mới

- Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp: Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng; cần thiết và khả thi; Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, làm được và tuân thủ thực hiện; Các kết quả chất lượng phải được đo lường, được ghi nhận và phân tích để cải tiến.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm tại các nhà máy theo các quy định của công ty và của tiêu chuẩn sản phẩm để đảm bảo chất lượng của sản phẩm phù hợp khi giao đến khách hàng.
- Tiếp tục duy trì việc kiểm tra quy định về bảo toàn chất lượng sản phẩm của công ty tại các đơn vị
- Kịp thời ban hành các hướng dẫn quản lý chất lượng cho các sản phẩm để cung cấp cho nhà máy triển khai thử nghiệm.
- Đảm bảo công tác nghiệm thu chất lượng sản phẩm cho các hợp đồng ký với điện lực đúng tiến độ và phù hợp với yêu cầu.
- Tiếp tục thực hiện và hoàn thành chứng nhận hợp quy theo qui định mới; hoàn thành các chứng nhận: SAA, TUV-Mark.



**BÁO CÁO HỘI
ĐỒNG QUẢN TRỊ**

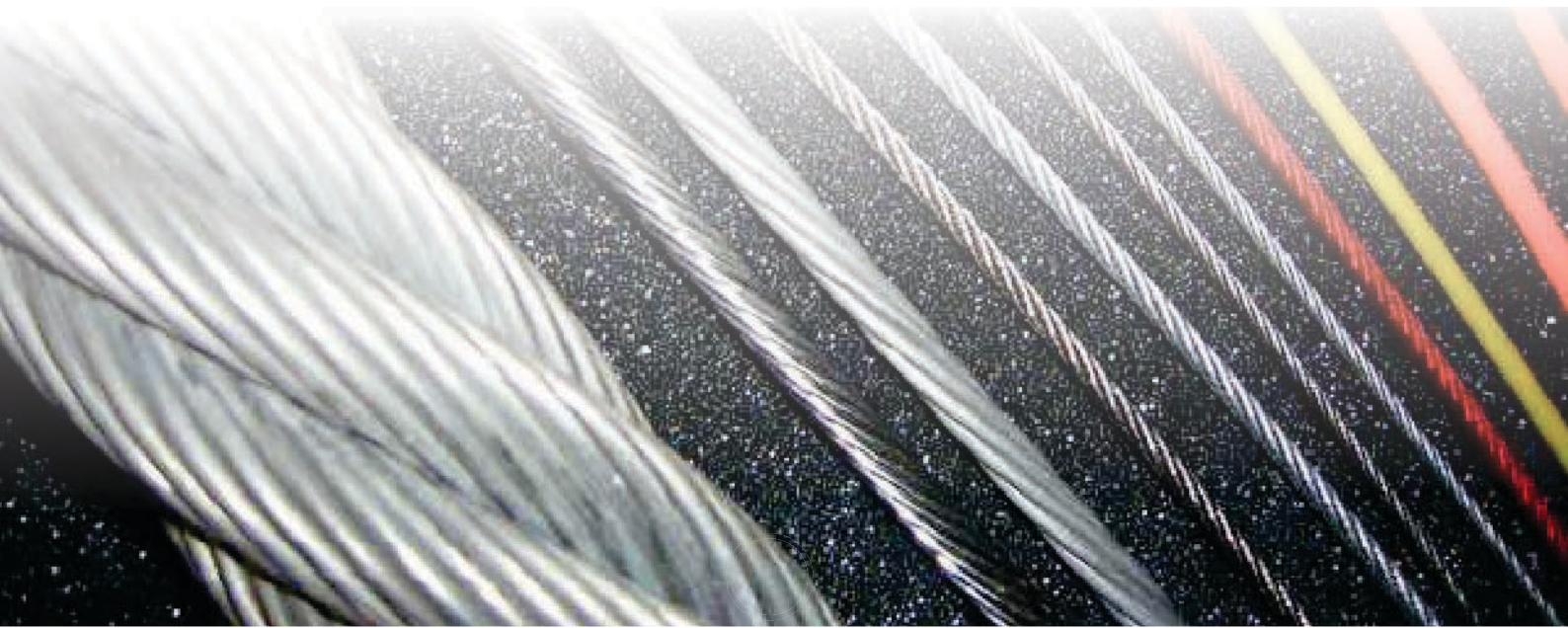
ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm qua, kinh tế Việt Nam đã có sự tăng trưởng khá tốt tác động tích cực đến lực cầu thị trường đối với các sản phẩm của công ty. Quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 mặt dù vẫn gặp phải nhiều khó khăn do đặc điểm cạnh tranh vẫn tồn tại trong ngành tuy nhiên với những nỗ lực, chỉ đạo kịp thời từ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới cùng sự triển khai đồng bộ, nhất quán trong công tác thực hiện của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ liên quan Công ty đã có một năm hoạt động thuận lợi và đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Kênh bán hàng qua đại lý vẫn tiếp tục chứng tỏ được tầm quan trọng của mình khi vẫn là kênh mang lại doanh thu chủ lực trong công tác tiêu thụ sản phẩm. Các dự án đầu tư đúng theo chiến lược và kế hoạch phát triển tiếp tục phát huy tác dụng, điều này góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động, giúp cho công ty hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2017	TH năm 2017	So với KH
1	Doanh thu thuần hợp nhất	Tỉ đồng	6.200	6.825	110,08%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỉ đồng	410	410	100%
3	Cổ tức	%	35%	35%	100%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm qua, ban điều hành đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tạo bầu không khí đoàn kết, hăng say làm việc trong công ty. Ban điều hành luôn chỉ đạo các bộ phận chức năng rà soát phát hiện những chi phí bất hợp lý, kịp thời điều chỉnh nhằm giảm thiểu chi phí như chi phí hội họp, khánh tiết, chi phí lương ... nhằm mục tiêu cuối cùng hạ giá thành sản phẩm.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018

Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2017	Tỉ lệ (%)
1	Doanh thu hợp nhất	Tỉ đồng	8.209	6.825	120,28%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỉ đồng	455	410	110,98%
3	Cổ tức	%	35%	35%	100%





QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Lê Bá Thọ	Thành viên HĐQT	-	-
3	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	-	-
5	Lê Quang Định	Thành viên HĐQT	115.180	0,199%
6	Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên HĐQT	-	-
7	Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên HĐQT	-	-



Hoạt động của Hội đồng quản trị



Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Giai đoạn 01/01/2017 – 11/04/2017				
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	00/05	0%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Lê Bá Thọ	Thành viên	00/05	0%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	00/05	0%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	00/05	0%	Bổ nhiệm từ 28/11/2017
Lê Quang Định	Thành viên	00/05	0%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên	00/05	0%	Bổ nhiệm từ 26/07/2017
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	00/05	0%	Bổ nhiệm từ 28/11/2017
Giai đoạn 12/04/2017 – 31/12/2017				
Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	40/40	100%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Lê Bá Thọ	Thành viên	40/40	100%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	40/40	100%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	05/40	13%	Bổ nhiệm từ 28/11/2017
Lê Quang Định	Thành viên	40/40	100%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên	19/40	48%	Bổ nhiệm từ 26/07/2017
Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	05/40	13%	Bổ nhiệm từ 28/11/2017

Và ban hành các Nghị Quyết/Quyết Định như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	45A/2017/NQ-HĐQT	16/02/2017	Phê duyệt trang bị xe ô tô.
2	46/2017/NQ-HĐQT	22/02/2017	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của đợt tăng vốn điều lệ từ 288 tỷ lên 576 tỷ đồng, thông qua việc tiếp tục phân phối 112.757 cổ phiếu chưa chào bán hết, triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
3	47/2017/NQ-HĐQT	02/03/2017	Điều chỉnh thời gian sử dụng vốn thu được của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng vốn điều lệ từ 288 tỷ đồng lên 576 tỷ đồng
4	48/2017/NQ-HĐQT	09/03/2017	Đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán
5	49/2017/NQ-HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2016, cho phép thanh lý một số hợp đồng theo nghị quyết.
6	50/2017/NQ-HĐQT	07/04/2017	Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua phương thức đề cử bổ sung 4 ứng viên để tham gia HĐQT NK 2017-2022
7	01/2017/NQ-HĐQT	11/04/2017	Bổ nhiệm ông Nguyễn Hoa Cường là chủ tịch HĐQT Công ty CADIVI NK 2017-2022
8	02/2017/NQ-HĐQT	25/04/2017	Bổ nhiệm Bà Dương Liễu Mai Khanh là thư ký HĐQT Công ty NK 2017-2022
9	03/2017/NQ-HĐQT	10/05/2017	Phê duyệt về thực hiện chương trình marketing tại Miền Bắc
10	04/2017/NQ-HĐQT	16/05/2017	Cho phép thực hiện ký các hợp đồng nguyên tắc
11	05/2017/NQ-HĐQT	22/05/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh TV HĐQT của ông Nguyễn Hoa Cường, bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn làm chủ tịch HĐQT và một số nội dung khác.
12	06/2017/NQ-HĐQT	30/05/2017	Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Lanh là thư ký công ty NK 2017-2022
13	07/2017/NQ-HĐQT	01/06/2017	Ông Nguyễn Đình Hùng thôi giữ chức CT.HĐTV kiêm Tổng Giám đốc CADIVI Miền Bắc và bổ nhiệm Ông Dương Hữu Hiệu là thành viên HĐTV kiêm TGD CADIVI miền Bắc
14	08/2017/NQ-HĐQT	06/06/2017	Phê duyệt chủ trương xây dựng cao ốc văn phòng CADIVI
15	09/2017/NQ-HĐQT	12/06/2017	Ban hành Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
16	10/2017/NQ-HĐQT	13/06/2017	Chấp thuận chi phí thử nghiệm và cấp giấy chứng nhận cho sản phẩm.

17	11/2017/NQ-HĐQT	22/06/2017	Phê duyệt về mặt chủ trương đối với chính sách khen thưởng khách hàng toàn quốc năm 2017
18	12/2017/NQ-HĐQT	26/06/2017	Phê duyệt về việc thay đổi nhân sự tại Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
19	13/2017/NQ-HĐQT	26/06/2017	Phê duyệt về việc ký hợp đồng tín dụng
20	14/2017/NQ-HĐQT	28/06/2017	Phê duyệt về việc điều chỉnh một số nội dung liên quan dự án “ Cơ sở 1 của XN Thành Mỹ
21	15/2017/NQ-HĐQT	29/06/2017	Phê duyệt về chính sách khách hàng
22	16/2017/NQ-HĐQT	29/06/2017	Phê duyệt về Quy chế trả lương, thưởng và hệ thống thang bảng lương của CADIVI
23	17/2017/NQ-HĐQT	11/07/2017	Phê duyệt về việc ký biên bản ghi nhớ giữa Tổng Giám đốc CADIVI và TGD CADIVI Miền Bắc
24	18/2017/NQ-HĐQT	17/07/2017	Phê duyệt việc đầu tư thiết bị chính xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện dân dụng tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn- Tiên Du- Bắc Ninh
25	19/2017/NQ- HĐQT	25/07/2017	Chuyển mức lương mới đối với chức danh Tổng Giám đốc và GD Tài chính theo Quy chế trả lương, thưởng và hệ thống thang bảng lương
26	20/2017/NQ-HĐQT	26/07/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của Ông Hoàng Anh Dũng và bổ nhiệm Ông Nguyễn Quốc Vinh thay thế ông Dũng
27	21/2017/NQ-HĐQT	11/08/2017	Bổ nhiệm Ông Vinh là thành viên HĐQT chuyên trách
28	22/2017/NQ-HĐQT	15/08/2017	Phê duyệt về việc chi thưởng Đại lý
29	23/2017/NQ-HĐQT	15/08/2017	Phê duyệt về việc ký hợp đồng thuê nhà xưởng
30	24/2017/NQ-HĐQT	24/08/2017	Phê duyệt về việc thay đổi đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH MTV CADIVI miền Bắc
31	25/2017/NQ- HĐQT	31/08/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm của CTHĐTV CADIVI miền Bắc và CADIVI Đồng Nai đồng thời bổ nhiệm nhân sự thay thế
32	26/2017/NQ-HĐQT	31/08/2017	Phê duyệt về việc điều chỉnh mức hỗ trợ chi phí phát hành bảo lãnh thanh toán cho CADIVI
33	27/2017/NQ-HĐQT	06/09/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh TV.HĐQT công ty CADIVI của ông Nguyễn Đình Hùng
34	28/2017/NQ-HĐQT	07/09/2017	Chấp thuận việc di dời trụ sở làm việc hiện tại và thuê văn phòng mới của Công ty CADIVI

35	29/2017/NQ-HĐQT	08/09/2017	Chấp thuận về việc ký hợp đồng tín dụng và hạn mức tín dụng
36	30/2017/NQ-HĐQT	18/09/2017	Thống nhất tạm ứng cổ tức 2017, thông qua báo cáo kết quả HĐSXKD 8 tháng đầu năm 2017
37	31/2017/NQ- HĐQT	21/09/2017	Chấp thuận việc thay đổi KTT của Công ty CADIVI Đồng nai, chấp thuận việc ký biên bản ghi nhớ giữa CADIVI và CMB
38	32/2017/NQ-HĐQT	29/09/2017	Phê duyệt về việc công ty CADIVI miền Bắc đầu tư trái phiếu
39	33/2017/NQ-HĐQT	02/10/2017	Phê duyệt về việc chi thưởng Đại lý
40	34/2017/NQ-HĐQT	16/10/2017	Bổ nhiệm Cố vấn HĐQT và thành viên HĐQT dự khuyết , thống nhất về việc chốt ds cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2017
41	35/2017/NQ-HĐQT	07/11/2017	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2017
42	36/2017/NQ-HĐQT	13/12/2017	Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai từ 150 tỷ lên 300 tỷ đồng
43	36A/2017/NQ-HĐQT	13/12/2017	Phê duyệt chủ trương cho Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai đầu tư vốn vào công ty Nhựa Hà Nội
44	37/2017/NQ-HĐQT	14/12/2017	Phê duyệt cho công ty CADIVI bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
45	37A/2017/NQ-HĐQT	14/12/2017	Phê duyệt cho cty CADIVI Đồng Nai và công ty CADIVI mở tài khoản giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán IB
46	38/2017/NQ-HĐQT	25/12/2017	Phê duyệt chủ trương về việc đầu tư Trái phiếu công ty cp chứng khoán IB
47	39/2017/NQ-HĐQT	27/12/2017	Phê duyệt về việc ký kết các hợp đồng mua và bán các hệ thống thiết bị điện.
48	40/2017/NQ-HĐQT	29/12/2017	Phê duyệt về việc chi thưởng Đại lý
49	155/2017/QĐ-HĐQT	22/02/2017	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần chưa phân phối hết của đợt tăng vốn điều lệ từ 288 tỷ đồng lên 576 tỷ đồng
50	156/2017/QĐ-HĐQT	22/02/2017	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017
51	157/2017/QĐ- HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2016
52	158/2017/QĐ-HĐQT	21/03/2017	Cho phép thanh lý Hợp đồng “ Hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp”
53	159/QĐ-HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt đầu tư xây dựng hạng mục công trình Nhà kho mở rộng, mái che sản phẩm cáp và Nhà cơ điện
54	160/QĐ-HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt phương án sắp xếp lại bộ máy tổ chức của Cơ quan Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam

55	161/QĐ-HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV CADIVI miền Bắc
56	162/QĐ-HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt đầu tư thiết bị
57	163/QĐ-HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt đầu tư máy móc
58	164/QĐ- HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt thoái vốn đầu tư tại Công ty CP xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Việt Nam
59	165/QĐ-HĐQT	21/03/2017	Tạm phân phối thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017
60	166/QĐ- HĐQT	21/03/2017	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017
61	166A/2017/QĐ- HĐQT	21/03/2017	Phê duyệt tăng vốn điều lệ lên 576 tỷ đồng
62	01/2017/QĐ-HĐQT	25/04/2017	Bổ nhiệm Thư ký công ty NK 2017-2022
63	02/2017/QĐ-HĐQT	25/04/2017	Bổ nhiệm Thường trực HĐQT 2017-2022
64	03/2017/QĐ-HĐQT	25/04/2017	Ban hành Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty CP dây cáp điện VN
65	04/2017/QĐ-HĐQT	10/05/2017	Thực hiện chương trình Marketing tại Miền Bắc
66	05/2017/QĐ-HĐQT	10/05/2017	Phê duyệt chủ trương xây dựng và giao quyền sử dụng đất tại cơ sở 2(Sam Phú).
67	06/2017/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dây cáp điện VN NK 2017-2022
68	07/2017/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dây cáp điện VN NK 2017-2022
69	08/2017/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
70	09/2017/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT NK 2016-2021 công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
71	10/2017/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Ban hành cơ chế hợp/lấy ý kiến và ra nghị quyết của TT.HĐQT Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam
72	11/2017/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017
73	12/2017/QĐ-HĐQT	22/05/2017	Xây dựng chiến lược phát triển 5 năm của Công ty
74	13/2017/QĐ-HĐQT	30/05/2017	Bổ nhiệm thư ký công ty NK 2017- 2022
75	14/2017/QĐ-HĐQT	30/05/2017	Mua sắm vật tư bổ sung phục vụ KHSX-KD năm 2017
76	15/2017/QĐ-HĐQT	01/06/2017	Bổ nhiệm Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc

77	16/2017/QĐ-HĐQT	01/06/2017	Thôi giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
78	17/2017/QĐ-HĐQT	01/06/2017	Cử đại diện quản lý vốn tại Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
79	18/2017/QĐ-HĐQT	01/06/2017	Sửa đổi Hệ thống phân cấp thẩm quyền trong hoạt động quản trị điều hành của Công ty CP Dây cáp điện VN
80	19/2017/QĐ-HĐQT	11/07/2017	Ký biên bản ghi nhớ giữa Tổng Giám đốc CADIVI và Tổng Giám đốc CADIVI Miền Bắc
81	20/2017/QĐ- HĐQT	11/07/2017	Chi thưởng chủ Doanh nghiệp (Đại lý cấp 1 có thành tích tiêu thụ sản phẩm CADIVI trong 6 tháng đầu năm 2017
82	21/2017/QĐ-HĐQT	25/07/2017	Chuyển lương mới cho Tổng Giám đốc Công ty CP Dây cáp điện VN
83	22/2017/QĐ- HĐQT	25/07/2017	Chuyển lương mới cho Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty CP Dây cáp điện VN
84	23/2017/QĐ-HĐQT	25/07/2017	Nâng bậc lương và chuyển lương mới cho Phó Tổng Giám đốc công ty CP Dây cáp điện VN
85	24/2017/QĐ-HĐQT	31/08/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc nhiệm kỳ 2016-2021
86	25/2017/QĐ- HĐQT	31/08/2017	Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
87	26/2017/QĐ-HĐQT	31/08/2017	Bổ nhiệm chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI miền Bắc
88	27/2017/QĐ-HĐQT	31/08/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai nhiệm kỳ 2013-2018
89	28/2017/QĐ-HĐQT	31/08/2017	Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
90	29/2017/QĐ-HĐQT	31/08/2017	Bổ nhiệm chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai nhiệm kỳ 2013-2018
91	30/2017/QĐ-HĐQT	08/09/2017	Ký kết hợp đồng tín dụng
92	31/2017/QĐ-HĐQT	08/09/2017	Ký kết hợp đồng tín dụng
93	32/2017/QĐ-HĐQT	18/09/2017	Tạm ứng cổ tức 2017
94	33/2017/QĐ-HĐQT	18/09/2017	Phê duyệt về chủ trương thuê lại đất tại Long Thành
95	34/2017/QĐ-HĐQT	18/09/2017	Chấp nhận hình thức thanh toán và hạn mức nợ cho khách hàng nước ngoài
96	35/2017/QĐ-HĐQT	21/09/2017	Thay đổi kế toán trưởng của Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai

97	36/2017/QĐ- HĐQT	21/09/2017	Quy định bán hàng của Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
98	37/2017/QĐ-HĐQT	02/10/2017	Chi thưởng chủ doanh nghiệp
99	38/2017/QĐ-HĐQT	02/10/2017	Chi thưởng Đại lý
100	39/2017/QĐ-HĐQT	16/10/2017	Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty CP Dây cáp điện VN của Ông Nguyễn Hoa Cương
101	40/2017/QĐ- HĐQT	16/10/2017	QĐ bổ nhiệm cố vấn HĐQT
102	40A/2017/QĐ-HĐQT	16/10/2017	Bổ nhiệm thành viên HĐQT dự khuyết
103	41/2017/QĐ-HĐQT	19/10/2017	QĐ ngày chốt DSCĐ để tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2017
104	42/2017/QĐ-HĐQT	19/10/2017	Phê duyệt về việc ghi nhận tiền thuê đất tại KCN Biên Hòa 1 vào chi phí năm 2017
105	43/2017/QĐ-HĐQT	14/12/2017	Phê duyệt bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
106	44/2017/QĐ-HĐQT	14/12/2017	Phê duyệt ký kết HĐ tín dụng
107	45/2017/QĐ-HĐQT	14/12/2017	Phê duyệt cho Công ty CADIVI mở tài khoản giao dịch ký quỹ tại chứng khoán IB
108	46/2017/QĐ-HĐQT	14/12/2017	Phê duyệt cho Công ty TNHH MTV CAD-IVI Đồng Nai mở tài khoản giao dịch ký quỹ tại chứng khoán IB

Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và Thư ký công ty đều đã tham gia các khóa đào tạo quản trị công ty theo quy định.



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Thanh Hương	Trưởng BKS	-	-
2	Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS	330	0,00%
3	Phạm Tường Minh	Thành viên BKS	628	0,00%

Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức riêng 02 cuộc họp có các thành viên BKS tham gia với nội dung cụ thể như sau:

Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Vũ Thanh Hương	Trưởng BKS	2/2	100%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS	2/2	100%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017
Phạm Tường Minh	Thành viên BKS	1/2	50%	Bổ nhiệm từ 11/04/2017

Chương trình hoạt động của BKS trong năm 2017 là tiến hành họp để xây dựng kế hoạch hoạt động của BKS trong năm, trong đó có phân công công việc đảm trách của từng thành viên BKS, cụ thể như sau:

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
- Ban Kiểm soát thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo quy định. Các báo cáo của Ban Kiểm soát được thông qua ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình Đại hội cổ đông.
- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Kiểm toán độc lập và Kiểm soát nội bộ của Công ty thực hiện công tác kiểm soát hiệu quả, báo cáo kiểm soát đảm bảo minh bạch, trung thực và đưa ra nhiều kiến nghị giúp HĐQT, Ban Điều hành thực hiện công tác quản lý hiệu quả, hạn chế rủi ro, tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.



Hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

Về hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Năm qua, HĐQT và BKS có sự thay đổi về nhân sự do bầu lại nhiệm kỳ mới vào ngày 11/04/2018. Cụ thể:

Hội đồng quản trị gồm có:

- Ông Nguyễn Hoa Cường
- Ông Nguyễn Văn Tuấn
- Ông Lê Quang Định
- Ông Nguyễn Đình Hùng
- Ông Hoàng Anh Dũng
- Ông Lê Bá Thọ
- Ông Phan Ngọc Hiếu

Ban kiểm soát gồm có:

- Bà Vũ Thanh Hương
- Ông Dư Vĩnh Hồng Quân
- Ông Phạm Tường Minh

Tiếp đó, vào ngày 28/11/2017 Đại hội cổ đông được tổ chức bất thường cũng đã bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- Ông Nguyễn Trọng Tiểu
- Ông Nguyễn Quốc Vinh
- Ông Nguyễn Trần Đăng Phước

Năm 2017, Hội đồng Quản trị đã họp và ban hành các Nghị quyết/Quyết định nhằm chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ liên quan công tác hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo đúng luật, kịp thời, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Nhân sự Ban Tổng Giám đốc trong năm không có sự thay đổi. Năm qua, các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, Ban Tổng giám đốc luôn chỉ đạo các bộ phận chức năng rà soát phát hiện những chi phí bất hợp lý, kịp thời điều chỉnh nhằm giảm thiểu chi phí như chi phí hội họp, khánh tiết, chi phí lương... nhằm mục tiêu cuối cùng hạ giá thành sản phẩm.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc đúng nguyên tắc và mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT và BTGD trong năm

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong hoạt động kiểm tra, giám sát nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát có tham gia một số cuộc họp của Hội đồng Quản trị, được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội đồng Quản trị và Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Nội dung	2017
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	6.451.795.560
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký (*)	179.999.000
Tổng cộng	6.631.794.560

(*): theo số tạm ứng đến ngày 10/04/2017

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
1	Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam		21.521.824	45.943.648	Mua 21.521.824CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP Mua 2.900.000CP theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường 28/11/2017
2	Lê Quang Định	Thành viên, Thường trực HĐQT Tổng giám đốc	0	115.180	Mua 15.180CP có báo cáo Mua 100.000CP có báo cáo
3	Hoàng Nghĩa Đàn	Ông Hoàng Nghĩa Đàn là người có liên quan đến hết 11/04/2017	23.020	46.040	Mua 23.020CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP
4	Hoàng Thị Hồng	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ Ông Hoàng Nghĩa Đàn-Phó Chủ Tịch HĐQT (Ông Hoàng Nghĩa Đàn là người có liên quan đến hết 11/04/2017)	5	10	Mua 5CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP
5	Nguyễn Lộc	Ông Nguyễn Lộc là người có liên quan đến hết 11/04/2017	57.117	44.234	Mua 57.117CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP Bán 70.000 CP sau ngày 11/04/2017, không còn là người có liên quan

6	Võ Thị Tuyết Hương	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ Ông Nguyễn Lộc-Thành Viên HĐQT (Ông Nguyễn Lộc là người có liên quan đến hết 11/04/2017)	25.851	31.702	Mua 25.851CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP Bán 20.000 CP sau ngày 11/04/2017, không còn là người có liên quan
7	Nguyễn Phê	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ Ông Nguyễn Lộc-Thành Viên HĐQT (Ông Nguyễn Lộc là người có liên quan đến hết 11/04/2017)	2.187	4.374	Mua 2.187CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP
8	Đoàn Hoài Thanh	Ông Đoàn Hoài Thanh là người có liên quan đến hết 11/04/2017	1.270	6.030	Mua 1.270CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP Mua 3.490CP sau ngày 11/04/2017, không còn là người có liên quan
9	Đoàn Thanh Nam	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ Ông Đoàn Hoài Thanh-Thành Viên HĐQT, Giám Đốc Nhân Sự (Ông Đoàn Hoài Thanh là người có liên quan đến hết 11/04/2017)	2.295	4.000	Mua 2.295CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP Bán 590CP sau ngày 11/04/2017, không còn là người có liên quan
10	Dư Vĩnh Hồng Quân	TV Ban Kiểm soát, Trưởng Phòng Kiểm Soát Tuân Thủ	168	330	Mua 162CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP
11	Võ Hồng Anh	Cá nhân có liên quan đến người nội bộ Bà Dương liễu Mai Khanh-Giám Đốc Tài chính, Kế Toán Trưởng	1.600	3.200	Mua 1.600CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP
12	Ngô Quang Hùng	Ông Ngô Quang Hùng là người có liên quan đến hết 11/04/2017	314	8	Mua 314CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP Bán 620CP sau ngày 11/04/2017, không còn là người có liên quan
13	Trịnh Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	30	60	Mua 30CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP
14	Nguyễn Hoa Cường	Ông Nguyễn Hoa Cường là người có liên quan đến hết 17/10/2017	62.486	130.972	Mua 62.486CP do đợt tăng vốn từ 28.000.000CP lên 57.600.000CP Mua 6.000CP, sau ngày 17/10/2017, không còn là người có liên quan

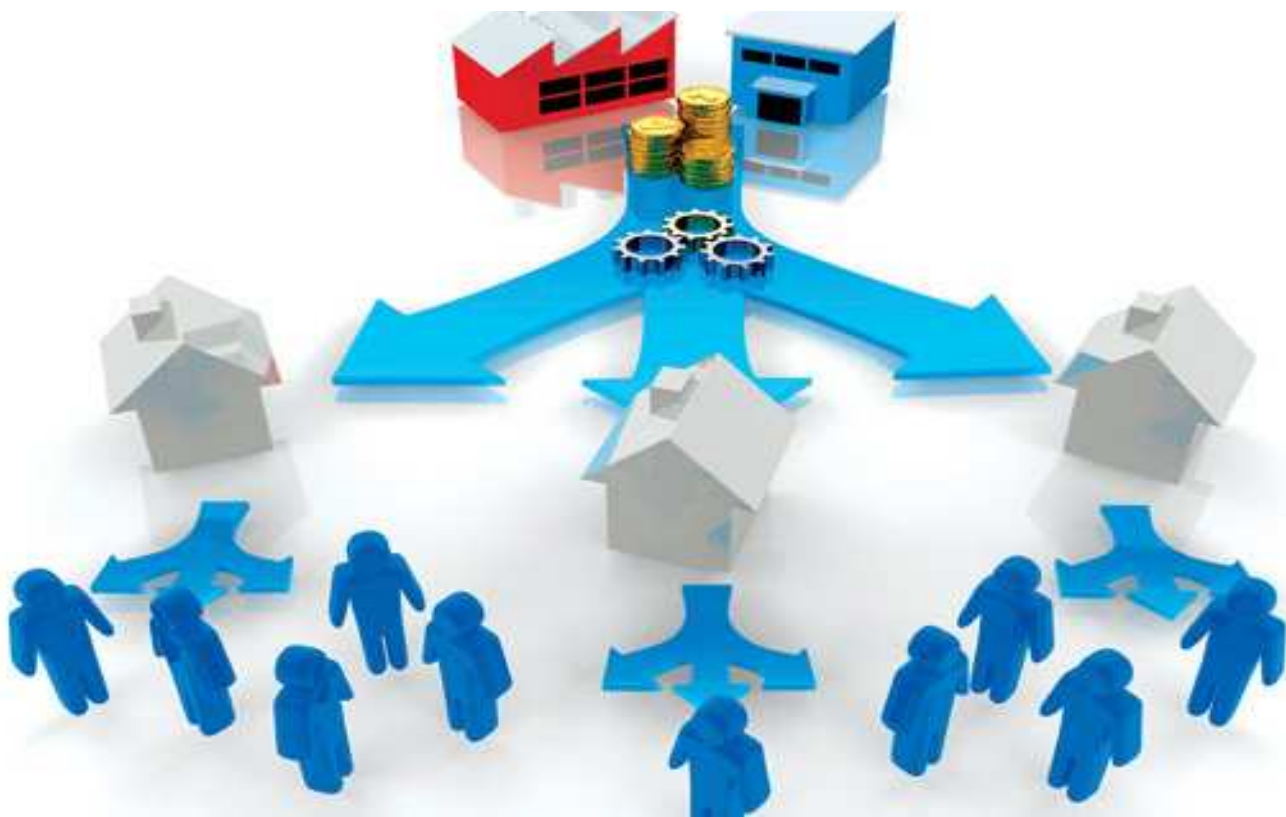
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, người có liên quan của Công ty

Tên khách hàng	CADIVI Bán hàng (ĐVT: Đồng)	CADIVI Thu tiền (ĐVT: Đồng)	Ghi chú
CÔNG TY TNHH MTV CADIVI MIỀN BẮC	334.737.759.717	404.972.400.309	
CÔNG TY TNHH MTV CADIVI ĐỒNG NAI	193.557.705.514	195.908.928.630	
CÔNG TY DÂY ĐỒNG VN -CFT	35.786.500.750	35.786.500.750	
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN	118.197.612.690	112.826.053.592	

Tên nhà cung cấp	CADIVI Trả tiền (ĐVT: Đồng)	CADIVI Mua hàng hóa, dịch vụ (ĐVT: Đồng)	Ghi chú
CÔNG TY DÂY ĐỒNG VN -CFT	88.580.222.186	73.611.027.447	
CÔNG TY TNHH MTV CADIVI ĐỒNG NAI	376.419.257.274	373.054.301.404	
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN	111.585.266.739	136.055.087.157	
TỔNG CTY CP THIẾT BỊ ĐIỆN VN	1.618.517.547.606	1.669.865.920.066	

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2014, Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch kiêm Thường trực Thành viên Thường trực	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017 Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hoa Cường	Thành viên Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017 Từ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2017
Ông Hoàng Nghĩa Đan	Thành viên Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017 Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Quang Định	Thành viên Thành viên Thường trực	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017 Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017 Từ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2017
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017 Từ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Quốc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2017
Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Lộc	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	
Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên	
Ông Phạm Tường Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Quang Dũng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61348213/19408918-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 2 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 6 tháng 3 năm 2017.



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.913.883.018.041	1.522.540.465.126
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	123.229.747.235	112.369.980.938
111	1. Tiền		123.229.747.235	95.369.980.938
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	17.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.1	317.124.375.000	30.047.794.267
121	1. Chứng khoán kinh doanh		191.524.375.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		125.600.000.000	30.047.794.267
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		703.833.584.094	650.182.676.994
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	722.518.257.295	640.651.472.242
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.958.789.976	30.532.014.678
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		3.369.328.345	6.307.928.304
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6	(40.375.818.581)	(27.308.738.230)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		363.027.059	-
140	IV. Hàng tồn kho	7	758.676.082.741	718.966.467.926
141	1. Hàng tồn kho		771.459.190.480	722.044.055.133
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.783.107.739)	(3.077.587.207)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.019.228.971	10.973.545.001
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		8.082.308.196	3.277.427.989
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.936.920.775	7.696.117.012
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.049.190.777.947	711.140.358.100
210	I. Phải thu dài hạn		-	395.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	395.000.000
220	II. Tài sản cố định		519.924.790.738	337.977.218.376
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	473.162.741.488	292.719.251.970
222	Nguyên giá		935.782.729.277	701.801.446.841
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(462.619.987.789)	(409.082.194.871)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	46.762.049.250	45.257.966.406
228	Nguyên giá		57.028.488.151	55.241.062.899
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.266.438.901)	(9.983.096.493)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		217.877.035.029	228.370.721.035
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	217.877.035.029	228.370.721.035
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		161.040.866.312	5.352.882.762
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	11.2	155.560.992.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.879.874.312	5.139.874.312
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(386.991.550)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		600.000.000	600.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		150.348.085.868	139.044.535.927
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	150.348.085.868	138.109.243.520
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	-	935.292.407
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.963.073.795.988	2.233.680.823.226

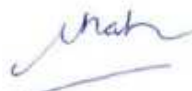
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.682.340.811.178	1.485.463.844.218
310	I. Nợ ngắn hạn		1.550.716.524.885	1.371.756.996.930
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	426.186.717.439	411.851.981.250
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	69.619.857.808	23.797.729.490
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.419.401.924	18.072.358.129
314	4. Phải trả người lao động		47.840.596.439	48.164.443.574
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	12.437.469.424	11.581.999.745
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	291.043.711.829	286.861.914.858
320	7. Vay ngắn hạn	19	652.447.511.799	530.867.473.797
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	10.931.633.094	19.211.206.740
322	9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		21.789.625.129	21.347.889.347
330	II. Nợ dài hạn		131.624.286.293	113.706.847.288
338	1. Vay dài hạn	19	104.799.837.689	96.754.591.005
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.3	86.505.123	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	18	26.737.943.481	16.952.256.283
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	1.280.732.984.810	748.216.979.008
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.280.732.984.810	748.216.979.008
411	1. Vốn cổ phần		576.000.000.000	288.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		576.000.000.000	288.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		330.908.090.000	43.234.340.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		108.113.062.534	108.113.062.534
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		265.711.832.276	308.869.576.474
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.852.588.396	84.697.771.090
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		210.859.243.880	224.171.805.384
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.963.073.795.988	2.233.680.823.226



Nguyễn Chí Đức
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng



Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	6.934.266.046.098	5.735.116.805.471
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	(108.778.074.025)	(106.082.921.473)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	6.825.487.972.073	5.629.033.883.998
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(6.138.931.065.588)	(5.069.318.240.277)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		686.556.906.485	559.715.643.721
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		13.147.348.289	6.290.038.480
22	7. Chi phí tài chính	23	(59.473.991.557)	(51.535.333.198)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(32.333.576.659)	(23.478.136.729)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(98.338.733.336)	(80.832.403.259)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(134.599.373.974)	(113.153.354.544)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		407.292.155.907	320.484.591.200
31	11. Thu nhập khác		4.983.419.618	6.695.531.933
32	12. Chi phí khác		(2.214.741.347)	(22.769.529.965)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		2.768.678.271	(16.073.998.032)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		410.060.834.178	304.410.593.168
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(82.979.792.768)	(64.681.721.116)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.1	(1.021.797.530)	(357.066.668)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		326.059.243.880	239.371.805.384
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		326.059.243.880	239.371.805.384
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.6	5.431	7.231
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.6	5.431	7.231

Nguyễn Chí Đức
Người lập

Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng

Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		410.060.834.178	304.410.593.168
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")	8, 9	61.023.516.411	51.173.540.945
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		22.385.609.333	(1.814.133.682)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.088.664	833.700.179
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.479.357.123)	(3.703.115.494)
06	Chi phí lãi vay	23	32.333.576.659	23.478.136.729
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		515.333.268.122	374.378.721.845
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(60.391.570.080)	4.610.127.420
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(49.415.135.347)	(56.604.117.466)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		58.473.172.378	(37.982.437.988)
12	Tăng chi phí trả trước		(17.043.722.555)	(33.366.575.304)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		(191.524.375.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(32.105.322.453)	(25.911.654.114)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(87.728.266.324)	(72.006.548.376)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.494.920.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(40.330.201.773)	(30.761.607.175)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		95.267.846.968	123.850.828.842
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(232.494.659.350)	(280.532.720.353)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		74.743.417	56.870.778
23	Tiền chi gửi kỳ hạn ngân hàng		(120.600.000.000)	(40.671.794.267)
24	Tiền thu hồi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		25.047.794.267	10.024.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.2	(155.560.992.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		260.000.000	4.995.833.299
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.431.870.289	3.614.678.014
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(472.841.243.377)	(302.513.132.529)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền thu thuần từ phát hành cổ phiếu		574.199.790.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	3.051.101.573.345	1.905.909.030.560
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(2.921.476.288.659)	(1.786.812.255.496)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(315.759.507.500)	(86.680.532.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		388.065.567.186	32.416.243.064
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.492.170.777	(146.246.060.623)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		112.369.980.938	258.121.948.784
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		367.595.520	494.092.777
70	Tiền cuối năm	4	123.229.747.235	112.369.980.938


Nguyễn Chí Đức
Người lập


Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng



Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300381564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 10 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, sản phẩm từ kim loại màu, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; kinh doanh nhà ở và đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 936 (31 tháng 12 năm 2016: 927).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có hai công ty con như sau:

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai

Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3603058326 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 6 năm 2013 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dây cáp điện, cáp viễn thông; sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện; sản xuất, buôn bán các sản phẩm từ kim loại (đồng, nhôm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong công ty con này.

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc

Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0107408296 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 4 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính của công ty là bán buôn dây cáp điện, khí cụ điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam ("công ty mẹ") và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa. | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã mua và được trích hao mòn theo thời hạn mua, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 *Các chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn từ 39 đến 50 năm. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quang Định	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Quốc Toán	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quang Định.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh sẽ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Cụ thể, khoản dự phòng bảo hành được trích lập bằng 5% giá trị hợp đồng theo Thư bảo lãnh.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh dây cáp điện. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	122.099.844.134	94.460.003.466
Tiền mặt	1.129.903.101	909.977.472
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
TỔNG CỘNG	123.229.747.235	112.369.980.938

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Phải thu từ các bên khác	717.146.698.197	631.563.254.515
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	209.836.034.793	88.333.399.058
- Công ty TNHH Thiết Bị Điện Quý Dân	86.724.462.530	95.321.690.364
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	76.003.768.972	61.238.914.101
- Các khách hàng khác	344.582.431.902	386.669.250.992
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	5.371.559.098	9.088.217.727
TỔNG CỘNG	722.518.257.295	640.651.472.242
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.902.583.989)	(22.498.417.403)
GIÁ TRỊ THUẦN	689.615.673.306	618.153.054.839

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần giá trị khoản phải thu này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.498.417.403	25.259.873.623
Dự phòng trích lập trong năm	10.404.166.586	-
Sử dụng và hoàn nhập trong năm	-	(2.761.456.220)
Số cuối năm	32.902.583.989	22.498.417.403
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417
- Công ty TNHH TMDV Điện Tân Miền Nam	185.237.370	185.237.370
- Các công ty khác	13.456.820.202	3.052.653.616

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
RMM Metallhandel GMBH	7.473.234.592	6.871.886.896
Công ty Cổ phần Điện và Chiếu sáng Phú Thắng	1.459.314.317	-
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.591.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.434.741.067	23.660.127.782
TỔNG CỘNG	17.958.789.976	30.532.014.678
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi - RMM Metallhandel GMBH	(7.473.234.592)	(4.810.320.827)
GIÁ TRỊ THUẦN	10.485.555.384	25.721.693.851

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.810.320.827	4.810.320.827
Dự phòng trích lập trong năm	2.662.913.765	-
Số cuối năm	7.473.234.592	4.810.320.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Thành phẩm	469.906.555.590	400.063.670.115
Nguyên vật liệu	202.336.861.452	167.379.994.608
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	95.388.173.367	94.070.955.154
Công cụ, dụng cụ	2.679.527.403	735.837.576
Hàng hóa	1.147.812.679	931.751.970
Hàng gửi bán	259.989	-
Hàng mua đang đi đường	-	58.861.845.710
TỔNG CỘNG	771.459.190.480	722.044.055.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.783.107.739)	(3.077.587.207)
GIÁ TRỊ THUẦN	758.676.082.741	718.966.467.926

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần giá trị hàng tồn kho này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng, như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	3.077.587.207	4.864.973.394
Dự phòng trích lập trong năm	17.069.604.890	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.364.084.358)	(1.787.386.187)
Số cuối năm	12.783.107.739	3.077.587.207

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	164.784.513.565	481.467.790.676	51.158.311.976	4.390.830.624	701.801.446.841
Chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	117.441.806.817	51.684.316.090	6.489.719.000	650.470.000	176.266.311.907
Mua mới trong năm	221.726.966	49.941.667.336	13.270.533.773	375.903.182	63.809.831.257
Phân loại lại	124.944.777	475.055.223	(600.000.000)	-	-
Thanh lý	(250.066.953)	(4.471.616.215)	(971.740.717)	(401.436.843)	(6.094.860.728)
Số cuối năm	282.322.925.172	579.097.213.110	69.346.824.032	5.015.766.963	935.782.729.277
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	38.387.099.221	184.817.555.750	19.648.365.973	2.652.494.510	245.505.515.454
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(71.691.683.231)	(305.520.207.496)	(28.391.474.286)	(3.478.829.858)	(409.082.194.871)
Khấu hao trong năm	(9.406.911.669)	(43.468.147.181)	(6.208.585.409)	(531.752.804)	(59.615.397.063)
Phân loại lại	(62.472.396)	(69.194.268)	131.666.664	-	-
Thanh lý	250.066.953	4.454.359.632	971.740.717	401.436.843	6.077.604.145
Số cuối năm	(80.911.000.343)	(344.603.189.313)	(33.496.652.314)	(3.609.145.819)	(462.619.987.789)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	93.092.830.334	175.947.583.180	22.766.837.690	912.000.766	292.719.251.970
Số cuối năm	201.411.924.829	234.494.023.797	35.850.171.718	1.406.621.144	473.162.741.488
Trong đó:					
Thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 19)	36.664.419.449	6.309.665.950	-	-	42.974.085.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	54.116.285.959	1.124.776.940	55.241.062.899
Chuyển từ xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.912.202.192	2.912.202.192
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.124.776.940)	(1.124.776.940)
Số cuối năm	54.116.285.959	2.912.202.192	57.028.488.151
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(8.858.319.553)	(1.124.776.940)	(9.983.096.493)
Hao mòn trong năm	(1.019.825.724)	(388.293.624)	(1.408.119.348)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.124.776.940	1.124.776.940
Số cuối năm	(9.878.145.277)	(388.293.624)	(10.266.438.901)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.257.966.406	-	45.257.966.406
Số cuối năm	44.238.140.682	2.523.908.568	46.762.049.250
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 19)</i>	41.113.140.682	-	41.113.140.682

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án xây dựng tại 799 Kinh Dương Vương	127.243.482.364	127.243.482.364
Lắp đặt và xây dựng lò đồng	62.528.219.882	-
Mua sắm, sửa chữa và nâng cấp máy móc thiết bị	18.663.496.927	8.291.300.517
Dự án Nhà máy Cáp điện Tân Phú Trung	3.802.882.215	87.341.965.142
Khác	5.638.953.641	5.493.973.012
TỔNG CỘNG	217.877.035.029	228.370.721.035

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

11.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Chứng khoán kinh doanh	191.524.375.000	-
- Trái phiếu (i)	191.524.375.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	125.600.000.000	30.047.794.267
- Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	125.600.000.000	30.047.794.267
GIÁ TRỊ THUẦN	317.124.375.000	30.047.794.267

(i) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Số lượng	Giá trị VND	Lãi suất %/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	135	139.524.375.000	9,5%	Kỳ hạn 2 năm, trả lãi 6 tháng/lần và đáo hạn gốc vào ngày 21 tháng 2 năm 2019
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng	52	52.000.000.000	10,5%	Kỳ hạn 4 năm, trả lãi 6 tháng/lần và đáo hạn gốc vào ngày 4 tháng 5 năm 2021
TỔNG CỘNG		191.524.375.000		

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,5 đến 6,78%/năm. Nhóm Công ty đã sử dụng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trị giá 75.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này, như được trình bày tại Thuyết minh số 19.

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Nhựa Hà Nội")	24,89	155.560.992.000

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã mua 1.618.000 cổ phiếu của Nhựa Hà Nội, tương đương 24,89% vốn điều lệ của Nhựa Hà Nội. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhựa Hà Nội là sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhựa công nghiệp kỹ thuật cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	126.280.001.988	129.716.801.820
Công cụ và dụng cụ	8.448.469.977	1.952.715.567
Chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị	5.683.954.835	-
Khác	9.935.659.068	6.439.726.133
TỔNG CỘNG	150.348.085.868	138.109.243.520

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	160.817.887.304	99.971.665.708
Glencore International Ag	78.055.354.562	-
LS Nikko Copper Inc.	46.668.824.687	240.900.940.245
Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu Khí Biển	33.978.011.027	-
Khác	106.666.639.859	70.979.375.297
TỔNG CỘNG	426.186.717.439	411.851.981.250

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Tường	20.410.219.655	1.340.000.000
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Quý Dân	17.181.900.000	6.299.600.000
Khác	32.027.738.153	16.158.129.490
TỔNG CỘNG	69.619.857.808	23.797.729.490

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.670.030.130	83.032.686.758	(87.728.266.324)	11.974.450.564
Thuế giá trị gia tăng	-	162.203.629.429	(158.965.210.066)	3.238.419.363
Thuế thu nhập cá nhân	1.251.931.180	14.231.023.356	(13.925.348.912)	1.557.605.624
Thuế khác	150.396.819	4.626.271.230	(3.127.741.676)	1.648.926.373
TỔNG CỘNG	18.072.358.129	264.093.610.773	(263.746.566.978)	18.419.401.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	6.812.001.000	-
Lãi ký quỹ (*)	1.702.536.477	2.518.087.420
Chi phí lãi vay	1.604.181.846	1.375.927.640
Chi phí phải trả khác	2.318.750.101	7.687.984.685
TỔNG CỘNG	12.437.469.424	11.581.999.745

(*) Lãi ký quỹ được chi trả cho các đại lý tối đa 9.6%/năm.

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Nhận ký quỹ, ký cược (*)	286.276.557.976	281.666.876.965
Cổ tức phải trả	3.805.877.950	2.765.385.450
Các khoản khác	961.275.903	2.429.652.443
TỔNG CỘNG	291.043.711.829	286.861.914.858

(*) Đây là khoản nhận ký quỹ và ký cược từ khách hàng cho các hợp đồng bán sản phẩm và được chi trả lãi tối đa 9.6%/năm.

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Số dư này thể hiện khoản dự phòng bảo hành sản phẩm tại ngày lập báo cáo tài chính (Thuyết minh số 3.11).

19. VAY

	Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)	Vay dài hạn (Thuyết minh số 19.2)	VND Tổng cộng
Số đầu năm	530.867.473.797	96.754.591.005	627.622.064.802
Tăng trong năm	3.034.896.271.661	16.205.301.684	3.051.101.573.345
Giảm trong năm	(2.913.316.233.659)	(8.160.055.000)	(2.921.476.288.659)
Số cuối năm	652.447.511.799	104.799.837.689	757.247.349.488

19.1 Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (i)	652.447.511.799	516.674.784.797
Vay ngắn hạn từ đối tượng khác	-	14.192.689.000
TỔNG CỘNG	652.447.511.799	530.867.473.797

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Lãi suất VND %/năm	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV ANZ	157.044.655.130	4,8%	Ngày 8 tháng 2 năm 2018	Hàng tồn kho và khoản phải thu hạn mức 3 triệu USD
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ("TPHCM")	152.897.565.671	4,8%	Ngày 31 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	119.963.342.664	4,8%	Ngày 5 tháng 3 năm 2018	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	69.246.834.722	6,78%	Ngày 25 tháng 08 năm 2018	Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này trị giá 75 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thăng Long	46.119.750.218	5 - 7%	Ngày 15 tháng 5 năm 2018	Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	43.310.132.310	5,6%	Ngày 2 tháng 3 năm 2018	Tín chấp
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Sở Giao Dịch 2	40.884.332.716	5,5%	Ngày 22 tháng 3 năm 2018	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TPHCM	22.788.998.368	5,0%	Ngày 28 tháng 1 năm 2018	
Ngân hàng Quốc Tế - Chi nhánh Hà Nội	191.900.000	6,5%	Ngày 29 tháng 1 năm 2018	
TỔNG CỘNG	652.447.511.799			

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích
	VND	%/năm			
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	92.799.837.689	7% - 9%	Ngày 2 tháng 1 năm 2023	Công trình nhà xưởng gắn liền với đất tại Lô C2-4, đường N7, Khu công nghiệp ("KCN") Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP HCM; máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư lần này và máy xoắn Drum Twister thuộc dự án "Nhà máy sản xuất dây cáp điện, Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng mới nhà máy sản xuất cáp ngầm trung thể và hạ thế"	Thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dây cáp điện - Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng mới nhà xưởng và bổ sung thiết bị sản xuất dây cáp điện" tại Lô C2-4, Đường N7, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP HCM
Ngân hàng TNHH CTCB - Chi nhánh TP HCM	12.000.000.000	6,65%	Ngày 15 tháng 3 năm 2019	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hàng hóa có giá trị tương đương 24 tỷ đồng	Mua đất và nhà xưởng tại KCN Long Thành, Đường Phước Hữu, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
TỔNG CỘNG	104.799.837.689				

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:					
Số đầu năm	288.000.000.000	43.234.340.000	82.602.015.668	225.951.401.546	639.787.757.214
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	239.371.805.384	239.371.805.384
Trích quỹ	-	-	25.511.046.866	(70.053.630.456)	(44.542.583.590)
Cổ tức công bố	-	-	-	(86.400.000.000)	(86.400.000.000)
Số cuối năm	288.000.000.000	43.234.340.000	108.113.062.534	308.869.576.474	748.216.979.008
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
Số đầu năm	288.000.000.000	43.234.340.000	108.113.062.534	308.869.576.474	748.216.979.008
Tăng vốn trong năm (i)	288.000.000.000	287.673.750.000	-	-	575.673.750.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	326.059.243.880	326.059.243.880
Trích quỹ	-	-	-	(52.416.988.078)	(52.416.988.078)
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	(316.800.000.000)	(316.800.000.000)
Số cuối năm	576.000.000.000	330.908.090.000	108.113.062.534	265.711.832.276	1.280.732.984.810

(i) Vào ngày 9 tháng 3 năm 2017, Công ty đã hoàn tất chào bán 28.800.000 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với mức giá 20.000 VND/cổ phiếu theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và Giấy Chứng nhận số 76/GCN-UBCK ngày 21 tháng 11 năm 2016. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 288.000.000.000 VND lên 576.000.000.000 VND, và được phê duyệt theo GCNĐKDN thay đổi lần 6 vào ngày 19 tháng 6 năm 2017.

(ii) Vào ngày 16 tháng 5 năm 2017, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền tại mức 35% trên mệnh giá cổ phiếu theo phê duyệt của Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2017. Vào ngày 19 tháng 10 năm 2017, Công ty đã chi trả tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Quyết định số 32/2017/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 9 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần (VND)	% sở hữu	Vốn cổ phần (VND)	% sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	459.436.480.000	79,8%	215.218.240.000	74,7%
Các cổ đông khác	116.563.520.000	20,2%	72.781.760.000	25,3%
TỔNG CỘNG	576.000.000.000	100%	288.000.000.000	100%

20.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	288.000.000.000	288.000.000.000
Tăng trong năm	288.000.000.000	-
Số cuối năm	<u>576.000.000.000</u>	<u>288.000.000.000</u>

20.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	57.600.000	28.800.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	57.600.000	28.800.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	57.600.000	28.800.000

20.5 Cổ tức

	Năm nay	VND Năm trước
Cổ tức công bố	(316.800.000.000)	(86.400.000.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(315.759.507.500)	(86.680.532.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.6 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	326.059.243.880	239.371.805.384
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)(*)	(42.387.701.704)	(31.118.334.700)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	283.671.542.176	208.253.470.684
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	52.234.521	28.800.000
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.431	7.231
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.431	7.231

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 13% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2017.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	VND Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Tổng doanh thu	6.934.266.046.098	5.735.116.805.471
Trong đó:		
Bán thành phẩm	6.070.433.512.275	4.697.033.465.633
Bán vật tư, phế liệu	776.696.816.212	1.006.358.454.542
Bán hàng hóa	69.176.369.637	11.163.542.951
Cung cấp dịch vụ	17.959.347.974	20.561.342.345
Các khoản giảm trừ doanh thu	(108.778.074.025)	(106.082.921.473)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(100.056.966.137)	(99.498.710.888)
Hàng bán bị trả lại	(8.721.107.888)	(6.584.210.585)
DOANH THU THUẦN	6.825.487.972.073	5.629.033.883.998
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	6.522.198.183.560	5.558.970.182.086
Doanh thu đối với bên liên quan	303.289.788.513	70.063.701.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.295.226.766.764	4.041.969.619.196
Giá vốn của vật tư, phế liệu	755.500.219.725	995.701.628.145
Giá vốn của hàng hóa đã bán	65.221.606.754	15.917.763.293
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.276.951.813	17.516.615.830
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	9.705.520.532	(1.787.386.187)
TỔNG CỘNG	6.138.931.065.588	5.069.318.240.277

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	32.333.576.659	23.478.136.729
Lãi kỳ quỹ (*)	24.356.297.075	23.519.624.160
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.171.109.373	4.432.239.218
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(386.991.550)	(148.150.250)
Khác	-	253.483.341
TỔNG CỘNG	59.473.991.557	51.535.333.198

(*) Lãi kỳ quỹ được chi trả cho các đại lý tối đa 9.6%/năm.

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

		VND
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.755.697.011	42.715.493.209
Chi phí nhân viên	24.140.685.542	11.447.631.245
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	19.843.092.353	21.351.721.180
Chi phí bảo hành	2.252.728.712	3.516.095.502
Chi phí khác	3.346.529.718	1.801.462.123
TỔNG CỘNG	98.338.733.336	80.832.403.259

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	51.360.962.387	49.233.517.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.622.433.183	16.484.079.956
Chi phí dự phòng (hoàn nhập chi phí dự phòng)	12.256.076.381	(2.761.456.220)
Chi phí khấu hao tài sản	4.802.422.715	4.478.247.901
Chi phí khác	47.557.479.308	45.718.965.087
TỔNG CỘNG	134.599.373.974	113.153.354.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	5.434.682.430.292	4.317.632.684.384
Chi phí nhân viên	217.966.016.967	193.338.063.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.208.670.408	77.874.517.907
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9)	61.023.516.411	50.581.059.181
Chi phí khác	131.636.379.138	89.833.248.700
TỔNG CỘNG	5.931.517.013.216	4.729.259.573.989

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	82.979.792.768	64.681.721.116
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.021.797.530	357.066.668
TỔNG CỘNG	84.001.590.298	65.038.787.784

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	410.060.834.178	304.410.593.168
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	82.012.166.836	60.882.118.634
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):		
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.241.254.449	4.280.261.247
Chi phí phải trả	(196.837.169)	196.837.169
Thu nhập cổ tức miễn thuế	(59.764.560)	(316.287.600)
Khác	4.770.742	(4.141.666)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	84.001.590.298	65.038.787.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

		VND	
		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 29)	
			Năm nay
			Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
Chi phí phải trả	168.985.219	639.657.523	(470.672.304)
			(755.190.869)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
Lỗ thuần chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(185.971.894)	524.212.385	(710.184.279)
Chênh lệch tỷ giá	(69.518.448)	(228.577.501)	159.059.053
			6.225.300
(Thuế TNDN hoãn lại phải trả) tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	(86.505.123)	935.292.407	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(1.021.797.530)
			(357.066.668)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu Cổ tức đã trả	1.518.059.927.333 236.740.064.000	430.792.673.254 56.165.472.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty liên quan	Bán hàng hóa Mua nguyên vật liệu	107.452.375.165 123.686.442.869	64.791.671.050 -
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu Bán thành phẩm	66.919.115.856 32.533.182.500	157.621.950.157 -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gelex	Công ty liên quan	Dịch vụ xây dựng	15.003.227.273	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	5.371.559.098	9.088.217.727
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Gelex	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	3.591.500.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	Mua nguyên vật liệu	132.654.183.493	81.308.587.576
Công ty Dây đồng Việt Nam	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	3.693.883.393	18.663.078.132
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Khí Cụ Điện I	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	24.469.820.418	-
			160.817.887.304	99.971.665.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm kế toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thù lao	14.238.628.177	9.453.460.588

29. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố tăng khoản mục hàng tồn kho và khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 58.861.845.710 VND để phản ánh nghiệp vụ hàng mua đang đi đường tại ngày này.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng năm nay theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh lại	Phân loại lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	652.908.428.676	-	(12.256.956.434)	640.651.472.242
Phải thu ngắn hạn khác	6.297.928.304	-	10.000.000	6.307.928.304
Hàng tồn kho	663.182.209.423	58.861.845.710	-	722.044.055.133
Phải thu dài hạn khác	405.000.000	-	(10.000.000)	395.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.595.508.802	-	(660.216.395)	935.292.407
Phải trả người bán ngắn hạn	352.990.135.540	58.861.845.710	-	411.851.981.250
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.813.387.603	-	(11.231.387.858)	11.581.999.745
Phải trả ngắn hạn khác	284.137.483.434	-	2.724.431.424	286.861.914.858
Dự phòng phải trả ngắn hạn	36.163.463.023	-	(16.952.256.283)	19.211.206.740
Phải trả dài hạn khác	3.750.000.000	-	(3.750.000.000)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	660.216.395	-	(660.216.395)	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	16.952.256.283	16.952.256.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	VND Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Các khoản giảm trừ doanh thu	(104.065.225.809)	(2.017.695.664)	(106.082.921.473)
Chi phí bán hàng	(82.850.098.923)	2.017.695.664	(80.832.403.259)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.987		7.231
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
(Tăng) giảm các khoản phải thu	6.627.823.084	(2.017.695.664)	4.610.127.420
(Tăng) giảm hàng tồn kho	2.257.728.244	(58.861.845.710)	(56.604.117.466)
Các khoản điều chỉnh khác	10.176.839.490	(10.176.839.490)	-
Tăng (giảm) các khoản phải trả	(109.038.818.852)	71.056.380.864	(37.982.437.988)

30. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

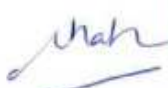
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	307.706,78	573.883,27
- Đồng Euro (EUR)	581,48	585,48

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.



Nguyễn Chí Đức
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng




Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

PHỤ LỤC 1:

GIẢI TRÌNH NGUYÊN NHÂN BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 trình bày kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế là 410,060 tỷ đồng cho thấy có biến động tăng 105,650 tỷ đồng (tương ứng tăng 34,7%), so với kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế của cùng kỳ kế toán năm 2016 là 304,410 tỷ đồng. Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành, Nhóm Công ty xin giải trình nguyên nhân tăng lợi nhuận như sau:

- Doanh thu thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng 1.196,454 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016 (tương ứng tăng 21,26%);
- Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 89,94%, giảm so với tỷ trọng thực hiện cùng kỳ năm 2016 là 90,06%; và
- Tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3,41%, giảm so với tỷ trọng thực hiện cùng kỳ năm 2016 là 3,45%.



Nguyễn Chí Đức
Người lập



Dương Liễu Mai Khanh
Kế toán trưởng



Lê Quang Định
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tp.HCM, ngày 03 tháng 04 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ QUANG ĐỊNH

CADIVI

ĐEM NGUỒN SÁNG ĐẾN MỌI NƠI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM



70 - 72 Nam Kỳ Khởi
Nghĩa, quận 1, TPHCM



Sđt: (028) 3829 9443
Fax: (028) 38



Website: www.cadivi.vn